

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM NGHỆ THUẬT TW

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Ngành: THANH NHẠC
Mã ngành: 52210205

Chương trình đào tạo trình độ đại học Thanh nhạc ban hành theo Quyết định số...../QĐ-ĐHSPNTTW-ĐT ngày tháng năm 2017 của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật TW

Hà Nội, 2017

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

NGÀNH: THANH NHẠC

Mã số: 52210205

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo: Thanh nhạc
- Mã số ngành đào tạo: 52210205
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Thời gian đào tạo: 04 năm
- Tên văn bằng sau tốt nghiệp: Cử nhân Thanh nhạc (Vocal music Bachelor of Arts)
- Đơn vị đào tạo: Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương

2. Mục tiêu đào tạo

Chương trình đại học ngành Thanh nhạc nhằm đào tạo các ca sĩ hát cổ điển, hát thính phòng, diễn viên hát cho các đoàn nghệ thuật; cung cấp các giảng viên giảng dạy thanh nhạc cho các cơ sở đào tạo thanh nhạc chuyên nghiệp; các cán bộ hoạt động trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có kiến thức, năng lực nghề nghiệp tương xứng với trình độ đào tạo.

3. Thông tin tuyển sinh

- Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT và theo quy định của Bộ GD&ĐT;

- Hình thức tuyển sinh: Tổ chức thi theo Kế hoạch của Bộ GD&ĐT. Thí sinh dự thi khối N:

- + Văn học
- + Kiến thức Âm nhạc tổng hợp – Xướng âm
- + Thanh nhạc.

- Dự kiến qui mô tuyển sinh: theo chỉ tiêu hàng năm của trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật TW (khoảng 50 sinh viên/ năm)

PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Về kiến thức

1.1. Khối kiến thức chung

- Vận dụng được những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; các kiến thức về tin học ngoại ngữ cơ bản và chuyên ngành trong giải quyết các vấn đề của cuộc sống, học tập và lao động nghề nghiệp.

1.2. Khối kiến thức cơ bản chung của nhóm ngành

- Nghiên cứu, biểu diễn và giảng dạy thanh nhạc.
- Vận dụng các kiến thức đã học của nhóm ngành vào quá trình hình thành, phát triển của lịch sử âm nhạc và văn minh thế giới, nghệ thuật học, mỹ học, phương pháp nghiên cứu khoa học trong học tập, nghiên cứu, biểu diễn và giảng dạy thanh nhạc.
- Vận dụng các kiến thức về quá trình lịch sử, các thành tố của văn hóa Việt Nam trong học tập, nghiên cứu, biểu diễn và giảng dạy thanh nhạc.

1.3. Khối kiến thức cơ sở ngành

Nắm vững kỹ thuật thanh nhạc cơ bản ở trình độ đại học, trên cơ sở đó vận dụng vào học tập, biểu diễn, nghiên cứu khoa học, giáo dục âm nhạc, giảng dạy ở các cơ sở đào tạo nghệ thuật; cung cấp nguồn diễn viên cho các đoàn nghệ thuật, các trung tâm văn hóa; có khả năng quản lý hoạt động nghệ thuật chuyên và không chuyên.

1.4. Khối kiến thức chuyên ngành

- Sử dụng được kiến thức cơ bản toàn diện, phấn đấu để trở thành một ca sĩ chuyên nghiệp, có tố chất của một người giảng viên giảng dạy chuyên ngành thanh nhạc, có năng lực tổ chức các hoạt động biểu diễn nghệ thuật.
- Vận dụng được những hiểu biết cơ bản của chuyên ngành thanh nhạc, nắm được phương pháp, có phong cách biểu diễn chuẩn mực, có năng lực tuyên truyền, đưa âm nhạc vào đời sống xã hội, góp phần vào sự nghiệp phát triển văn hóa nghệ thuật theo đường lối của Đảng và Nhà nước.
- Phát hiện, bồi dưỡng, tạo điều kiện phát triển cho những nhân tố có năng khiếu âm nhạc, ca hát.

1.5. Kiến thức thực tập và tốt nghiệp

- Hiểu và vận dụng được qui trình của các đợt kiến tập, thực tập biểu diễn thanh nhạc, đáp ứng yêu cầu của chuyên ngành.
- Hiểu và vận dụng được qui trình nhằm thực hiện tốt chương trình biểu diễn tốt nghiệp, cách lập kế hoạch và khai thác các điều kiện học tập để hoàn thành chương trình tốt nghiệp và có khả năng định hướng nghề nghiệp sau khi ra trường.
- Vận dụng được phương pháp nghiên cứu, biểu diễn và giảng dạy thanh nhạc trong thực tiễn nghề nghiệp.

2. Về kĩ năng

2.1. Kĩ năng cứng

2.1.1. Các kĩ năng nghề nghiệp

2.1.1.1. Kĩ năng tự học, tự nghiên cứu, phát triển chuyên môn, nghề nghiệp

- Vận dụng kiến thức chuyên ngành đã học vào việc nghiên cứu, phát triển chuyên môn được đào tạo phù hợp với bản thân và môi trường làm việc.

2.1.1.2. Kĩ năng thực hành biểu diễn

- Vận dụng các phương pháp biểu hiện hình thể, biểu hiện tâm lý, diễn xuất nội tâm vào biểu diễn.

2.1.1.3. Kĩ năng đánh giá kết quả học tập của người học

- Lập được kế hoạch kiểm tra đánh giá thường xuyên, đánh giá tổng kết trong quá trình dạy học.

- Thiết kế được các bài kiểm tra đánh giá theo những mục đích, mục tiêu phù hợp nhằm đánh giá sự tiến bộ của học sinh.

- Dựa vào kế hoạch dạy học, giáo dục, lập được bản ghi chép, đánh giá cải tiến việc dạy học, giáo dục; lập được kế hoạch đánh giá kết quả của từng hoạt động giáo dục.

2.1.1.4. Kĩ năng quản lý, tổ chức các hoạt động biểu diễn nghệ thuật

- Lập được kế hoạch, lên khung chương trình cho các hoạt động biểu diễn nghệ thuật chuyên và không chuyên.

2.1.2. Khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề

- Phát hiện và hình thành được vấn đề nghiên cứu, phân tích và đề xuất được giải pháp phù hợp với thực tiễn nghề nghiệp.

2.1.3. Khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức

- Cập nhật kiến thức, tổng hợp tài liệu, xây dựng nguồn tài liệu tham khảo, hỗ trợ cho chuyên ngành.

2.1.4. Khả năng tư duy theo hệ thống

- Đánh giá được bối cảnh lịch sử, văn hóa dân tộc và bối cảnh toàn cầu đối với âm nhạc nói chung, thanh nhạc nói riêng từ đó có những thích ứng kịp thời nhằm phát triển nghề nghiệp chuyên môn.

2.1.5. Năng lực vận dụng được các kiến thức, kĩ năng vào thực tiễn nghề nghiệp

- Sử dụng một số phương pháp, công nghệ cơ bản, hiện đại để tiến hành các công việc chuyên môn về nghiên cứu, biểu diễn và dạy học thanh nhạc.

2.1.6. Năng lực sáng tạo, phát triển và dẫn dắt sự thay đổi trong nghề nghiệp

- Cập nhật kiến thức, đề xuất các ý tưởng, viết và phổ biến các sáng kiến kinh nghiệm cho môn học, hình thành các ý tưởng nghiên cứu hoặc tham gia các đề tài nghiên cứu phù hợp với chuyên môn.

2.2. Kỹ năng mềm

2.2.1. Các kỹ năng cá nhân

- Có khả năng tự học và học tập suốt đời
- Thu thập và tổng hợp tài liệu, quản lý thời gian, thích ứng với sự thay đổi...

2.2.2. Làm việc theo nhóm

- Có khả năng thành lập nhóm, xây dựng và triển khai kế hoạch làm việc của nhóm, chấp nhận sự khác biệt vì mục tiêu chung.
- Thay đổi nhóm để thích ứng với hoàn cảnh

2.2.3. Quản lý môi trường hoạt động chuyên ngành

- Có khả năng ra quyết định, lập kế hoạch và tổ chức thực hiện, kiểm tra các hoạt động trong môi trường công tác.

2.2.4. Kỹ năng giao tiếp

- Có khả năng thuyết trình, giao tiếp hiệu quả giữa các cá nhân, giao tiếp bằng văn bản hoặc email.

2.2.5. Các kỹ năng mềm khác

Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ, tin học:

- Kỹ năng nghe, nói, đọc viết đạt trình độ A2 theo khung tham chiếu chuẩn của Châu Âu.
- Sử dụng được tin học văn phòng cơ bản và tin học chuyên ngành Âm nhạc phù hợp công việc chuyên môn.

3. Về phẩm chất đạo đức

3.1. Phẩm chất đạo đức cá nhân

- Kiên trì, có ý thức trách nhiệm, phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; tự tin, chủ động, linh hoạt, say mê công việc.

3.2. Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp

- Có phẩm chất chính trị, đạo đức của người nghệ sĩ.
- Khẳng định được năng lực chuyên môn.

- Góp phần trong việc tuyên truyền và giáo dục tư tưởng cho nhân dân thực hiện tốt đường lối và chủ trương của Đảng, pháp luật, chính sách của Nhà nước trong lĩnh vực Văn hóa nghệ thuật.

3.3. Phẩm chất đạo đức xã hội

- Có tinh thần dân tộc, hiểu biết về văn hóa dân tộc Việt Nam.
- Có ý thức về an ninh quốc phòng toàn dân, có lập trường vững vàng và sẵn sàng tham gia bảo vệ Tổ quốc.

4. Vị trí công tác có thể đảm nhận sau khi sinh viên tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp chuyên ngành thanh nhạc, sinh viên được công tác và biểu diễn tại các đoàn nghệ thuật, các cơ sở đào tạo nghệ thuật, viện nghiên cứu âm nhạc, giảng dạy tại các trường đại học, cao đẳng; làm công tác quản lý văn hóa nghệ thuật ở các cơ quan nhà nước, đoàn thể xã hội; làm những công việc liên quan đến những vấn đề khác nhau thuộc khối ngành nghệ thuật; có thể học tiếp lên trình độ thạc sĩ và tiến sĩ.

PHẦN III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ phải tích lũy:	126 tín chỉ
- Khối kiến thức chung (M1)	23 tín chỉ
- Khối kiến thức cơ bản chung của nhóm ngành (M2)	13 tín chỉ
+ Bắt buộc: 9	
+ Tự chọn: 4	
- Khối kiến thức cơ sở ngành (M3)	37 tín chỉ
+ Bắt buộc: 29	
+ Tự chọn: 8	
- Khối kiến thức chuyên ngành (M4)	28 tín chỉ
+ Bắt buộc: 23	
+ Tự chọn: 5	
- Khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp (M5)	26 tín chỉ
+ Thực tập nghề nghiệp: 12	
+ Chương trình biểu diễn NT tốt nghiệp: 14	

2. Khung chương trình đào tạo

Số TT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số môn học tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
I	M1	Khối kiến thức chung General knowledge	23				
1		Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác- Lê nin 1 Basic principles of Marxist-Leninist	2	21	5	4	
2		Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác- Lê nin 2 Basic principles of Marxist-Leninist	3	32	8	5	
3		Tư tưởng Hồ Chí Minh Hochiminh thought	2	20	8	2	
4		Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam Revolutionary line of Vietnam Communist Party	3	35	7	3	
5		Pháp luật đại cương					
6		Tin học cơ bản Basic Informatics	2	5	15	10	
7		Tiếng Anh A1 A1 Englissh	4	16	40	4	
8		Tiếng Anh A2 A2 Englissh	3	22	20	3	
9		Tiếng Anh chuyên ngành English for Speciality	2	5	20	5	
10		Giáo dục thể chất 1 Physical education 1	2				
11		Giáo dục thể chất 2 Physical education 2	3				
12		Giáo dục quốc phòng National defense education					
II	M2	Khối kiến thức cơ bản chung của nhóm ngành	13				
II.1		Các môn học bắt buộc Compulsory subjects	9				

Số TT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số môn học tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
13		Phương pháp nghiên cứu khoa học Scientific research methods	2	20	8	2	
14		Mỹ học Aesthetics	2	20	8	2	
15		Cơ sở văn hóa Việt Nam Vietnam Cultural Facilities General Arts	3	30	12	3	
16		Đường lối văn hóa văn nghệ của Đảng cộng sản VN Direction of cultural and art of Viet Nam	2	20	8	2	
II.2		Các môn học tự chọn Optional subjects	4/8				
17		Nghệ thuật học đại cương General Arts	2	20	8	2	
18		Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành Giáo dục và Đào tạo State Administrative management and Educational tranining mangement	2	20	8	2	
19		Tâm lý học nghệ thuật Psychology of art	2	20	8	2	
20		Tiếng Việt thực hành Vietnamese Practice	2	10	18	2	
III	M3	Khối kiến thức cơ sở ngành Fundemental subjects	37				
III.1		Các môn học bắt buộc Compulsory subjects	29				
21		Lịch sử âm nhạc thế giới 1 History of the world music 1	2	10	18	2	
22		Lịch sử âm nhạc thế giới 2 History of the world music 2	2	10	18	2	
23		Lịch sử âm nhạc thế giới 3	3	20	22	3	

Số TT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số môn học tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
		History of the world music 3					
24		Âm nhạc mới Việt Nam Vietnam new music	2	10	18	2	
25		Âm nhạc cổ truyền Việt Nam Vietnam traditional music	3	20	22	3	
26		Lý thuyết âm nhạc 1 Music theory 1	3	20	22	3	
27		Múa Dancing	3	4	38	3	
28		Phân tích tác phẩm âm nhạc 1 Music work analysis 1	2	10	18	2	
29		Phân tích tác phẩm âm nhạc 2 Music work analysis 2	2	10	18	2	
30		Phân tích tác phẩm âm nhạc 3 Music work analysis 3	2	10	18	2	
31		Hòa thanh Harmony	2	10	18	2	
32		Ký xướng âm 1 Tonic Sol-fa notation 1	2	3	25	2	
33		Ký xướng âm 2 Tonic Sol-fa notation 2	2	3	25	2	
34		Ký xướng âm 3 Tonic Sol-fa notation 3	2	3	25	2	
35		Ký xướng âm 4 Tonic Sol-fa notation 4	2	3	25	2	
III.2		Các môn học tự chọn Optional subjects	8/16				
36		Nhập môn phức điệu Introduction to music polyphonic	2	10	18	2	
37		Sáng tác Composition	2	5	23	2	
38		Giới thiệu nhạc cụ Introduction to Musical Instruments	2	10	18	2	

Số TT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số môn học tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
39		Dân ca Singing folk song	2	5	23	2	
40		Hoạt động ngoài giờ lên lớp Extra-Curricular activities	2	2	28	0	
41		Phối hợp xướng Choir Arrangements	2	10	18	2	
42		Tâm lý học đại cương Basic Psychology	2	20	8	2	
43		Giáo dục học Pedagogy	4	30	28	2	
44		Lý thuyết âm nhạc 2 Music theory 2	2	*	*	*	
IV	M4	Khối kiến thức chuyên ngành Speciality subjects	28				
IV.1		Các môn học bắt buộc Compulsory subjects	23				
45		Thanh nhạc 1 Vocal music 1	2	2	26	2	
46		Thanh nhạc 2 Vocal music 2	2	2	26	2	
47		Thanh nhạc 3 Vocal music 3	2	2	26	2	
48		Thanh nhạc 4 Vocal music 4	2	2	26	2	
49		Piano 1	2	2	26	2	
50		Piano 2	2	2	26	2	
51		Hát hợp xướng Choir Singing	3	4	38	3	
52		Lịch sử nghệ thuật Thanh nhạc History of Vocal music Art	2	20	8	2	
53		Kỹ thuật diễn viên Techniques of performer	2	8	20	2	
54		Phát âm tiếng Ý, Đức, Nga và	4	40	16	4	

Số TT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số môn học tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
		một số ngôn ngữ khác					
55		Phương pháp sư phạm Thanh nhạc Vocal music teaching methods	2	8	20	2	
IV.2		Các môn tự chọn Optional subjects	5/10				
56		Đệm đàn 1 Accompanying instrument 1	2	5	15	10	
57		Đệm đàn 2 Accompanying instrument 2	3	8	27	10	
58		Dàn dựng tổng hợp General Arrangement	3	4	38	3	
59		Chỉ huy Conductor	2	2	26	2	
60		Các chuyên đề khác Other themes	3				
V	M5	Khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp Knowledge for practice and graduation	26				
V.1		Khối kiến thức thực tập Knowledge for practice Thực tập nghề nghiệp Career Practice	12				
V.2		Khối kiến thức tốt nghiệp Chương trình biểu diễn nghệ thuật tốt nghiệp Knowledge for graduation Art performing programme for graduation	14				
		Tổng cộng	126				

3. Danh mục tài liệu tham khảo

TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo (Tài liệu bắt buộc – Tài liệu tham khảo thêm)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
I. Khối kiến thức chung			23	
1		Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác- Lênin 1	2	1. Tài liệu chính 1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2013), <i>Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin</i>, Nxb Chính trị quốc gia. Hà Nội 2. Tài liệu tham khảo 1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2013), <i>Giáo trình Triết học Mác-Lênin</i> (dùng trong các trường đại học, cao đẳng), Nxb Chính trị quốc gia. Hà Nội 2. Nhóm tác giả: TS. Bạch Thị Lan Anh, ThS. Phạm Ngọc Anh, ThS. Nguyễn Thị Huyền, ThS. Mai Thanh Hồng (2013), <i>Sơ đồ hóa kiến thức môn Nguyên Lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin</i>, ĐHSP Nghệ Thuật TW, Hà Nội
2		Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác- Lênin 2	3	1. Tài liệu chính 1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2013), <i>Giáo trình những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin</i>, Nxb. CTQG, Hà Nội (Viết tắt TL 1) 2. Tài liệu tham khảo 1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012), <i>Giáo trình kinh tế chính trị Mác - Lênin</i> (dùng cho các khối ngành không chuyên kinh tế, quản

TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo (Tài liệu bắt buộc – Tài liệu tham khảo thêm)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
				trị kinh doanh trong các trường đại học, cao đẳng), Nxb. CTQG, Hà Nội. 2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), <i>Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học</i> (dùng trong các trường đại học và cao đẳng), Nxb. CTQG, Hà Nội. 3. TS. Bạch Thị Lan Anh (Chủ trì) (2013), ThS. Phạm Ngọc Anh, ThS. Nguyễn Thị Huyền, ThS. Mai Thanh Hồng, <i>Sơ đồ hóa kiến thức môn Nguyên Lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin</i> , Trường ĐHSP Nghệ Thuật TW, Hà Nội,
3		Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1. Tài liệu chính 1. Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo biên soạn (2013). <i>Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh</i> Nxb Chính trị quốc gia. Viết tắt là TL 1. 2. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn (2003). <i>Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh</i> 2. Tài liệu tham khảo 1. Hồ Chí Minh: Toàn tập, tuyển tập, đĩa CDROM Hồ Chí Minh toàn tập 2. Các Nghị quyết, Văn kiện của Đảng 3. Một số trang Website có nội dung liên quan: - http://www.dangcongsan.vn - http://www.tapchicongsan.org.vn
4		Đường lối cách mạng của ĐCS Việt Nam	3	1. Tài liệu chính 1. Bộ Giáo dục và đào tạo (2012), <i>Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam</i> . Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội. 2. Tài liệu tham khảo

TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo (Tài liệu bắt buộc – Tài liệu tham khảo thêm)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
				1. Bộ Giáo dục và đào tạo (2007), <i>Giáo trình Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam</i>, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội. 2. Bộ Giáo dục và đào tạo (2012), <i>Giáo trình Kinh tế chính trị Mác- Lênin</i>, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
		Pháp luật đại cương	2	6.1. Tài liệu chính Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014) , <i>Giáo trình pháp luật đại cương</i>, Nxb Đại học Sư phạm. 6.2. Tài liệu tham khảo 1. Bộ luật Dân sự nước CHXHCN Việt Nam 2017, NXB Lao động. 2. Bộ luật Hình sự nước CHXHCN Việt Nam 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, thukyluat.vn/vb/ 3. Bộ luật Tổ tụng Hình sự nước CHXHCN Việt Nam năm 2003, http://vbpl.vn/TW/Pages/vanban.aspx 4. Bộ luật Lao động nước CHXHCN Việt Nam năm 2012, http://vbpl.vn/TW/Pages/vanban.aspx 5. Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam năm 2013, http://vbpl.vn/TW/Pages/vanban.aspx 6. Hoàng Thị Kim Quế (chủ biên), <i>Giáo trình Lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật</i>, tái bản 2007 7. Trường ĐH Luật Hà Nội, <i>Giáo trình Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật</i>, NXB Công an nhân dân. 8. Trường ĐH Luật Hà Nội, 2017, <i>Giáo trình Luật Quốc tế</i>, NXB Công an nhân dân. 9. Luật phòng, chống tham nhũng nước CHXHCN Việt Nam, http://quochoi.vn/vanphongquochoi. 10. Hoàng Thế Liên, 2014, <i>Tài liệu về phòng, chống tham nhũng dùng cho các trường cao đẳng, đại học không chuyên về luật</i>, http://moet.gov.vn.

TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo (Tài liệu bắt buộc – Tài liệu tham khảo thêm)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
				11. Thanh tra Chính phủ, Một số vấn đề về tham nhũng và nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam, 2012, NXB Lao động. 12. Trung tâm tư vấn pháp luật và vận động chính sách, 2016, Sổ tay phòng chống tham nhũng dành cho công dân, http://alac.vn/.
5		Tin học cơ bản	2	Tài liệu bắt buộc: 1. Trường ĐHSP Nghệ thuật Trung ương, <i>Tài liệu Tin học đại cương</i>. Tài liệu tham khảo: 2. <i>Hướng dẫn sử dụng Microsoft word</i>, 2007, NXB Giáo dục; 3. <i>Hướng dẫn sử dụng Microsoft Exel</i>, 2009, NXB Giáo dục; 4. <i>Hướng dẫn sử dụng Microsoft Powerpoint</i>, 2009, NXB Giáo dục
6		Tiếng Anh A1	4	Tài liệu bắt buộc: 1. Tom Hutchinson (1999), <i>Lifelines Elementary</i>, Oxford University Press 2. Raymond Murphy (1995), <i>Essential Grammar in use</i>, Nxb Đồng Nai 3. Bảng, đĩa của giáo trình. Tài liệu tham khảo: 1. Bernard Hartley & Peter Viney (1997), <i>Streamline English - Departures</i>, NXB Trẻ. 2. Các tài liệu khác có liên quan đến kiến thức của học phần
7		Tiếng Anh A2	3	Tài liệu bắt buộc: 1. Tom Hutchinson (1999), <i>Lifelines Elementary</i>, Oxford University Press

TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo (Tài liệu bắt buộc – Tài liệu tham khảo thêm)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
				2. Raymond Murphy (1995), <i>Essential Grammar in use</i> , Nxb Đồng Nai 3. Bảng, đĩa của giáo trình. Tài liệu tham khảo: 1. Bernard Hartley & Peter Viney (1997), <i>Streamline English - Departures</i> , NXB Trẻ. 2. Các tài liệu khác có liên quan đến kiến thức của học phần
8		Tiếng Anh chuyên ngành	2	Tài liệu tham khảo: 1. <u>Chidy Wayne</u> (2010), <i>Fashion Design Handbook</i> . 2. <u>Connie Amaden-Crawford</u> (1996), <i>The Art of Fashion Draping</i> , Fairchild Publications. 3. <u>Helen Joseph Armstrong</u> (2000), <i>Patternmaking: for fashion design</i> , Pearson Prentice Hall. 4. <u>Helen Joseph Armstrong</u> (2000), <i>Patternmaking: for fashion design</i> , Pearson Prentice Hall. 5. <u>Jaffe, Jaffe Hilde</u> (2000), <i>Draping for Fashion Design</i> , 4/E, Pearson Education. 6. Ritu Jindal (1998), <i>Handbook for Fashion Designing: Best Drafting Techniques</i> , Mittan publications. 7. <u>Sue Jenkyn Jones</u> (2005), <i>Fashion Design</i> , Laurence King Publishing. 8. Enterprise – English for the commercial world. 9. Pauline Gau Siew Eng, Fashion design. 10. Vietnam's Garment Industry: Moving up the value chain (MPDF).
9	PPE2010			Tài liệu chính:

TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo (Tài liệu bắt buộc – Tài liệu tham khảo thêm)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		Giáo dục thể chất 1	2	1. Ủy ban TDTT Trường ĐHTDTT 1 (2002), <i>Giáo trình Chạy cự ly ngắn</i>, NXB TDTT Hà Nội. 2. Phạm Nguyên Phùng, Trần Tuyết Lan, Hoàng Minh Thuận (2012), <i>Giáo trình Thể dục 1</i> (Dùng cho trường Đại học Sư phạm Thể dục thể thao), Nxb Thể dục thể thao Hà nội. 3. Phạm Nguyên Phùng, Trần Tuyết Lan, Hoàng Minh Thuận (2013), <i>Giáo trình Thể dục 2</i> (Dùng cho trường Đại học Sư phạm Thể dục thể thao), Nxb Thể dục thể thao Hà nội. 4. TS. Nguyễn Văn Thời (2014), <i>Sách điền kinh</i> (Dùng cho sinh viên Đại học Sư phạm TDTT), Nxb TDTT, Hà Nội. 5. TS. Nguyễn Văn Thời (2014), <i>Giáo trình Thể dục Aerobics 1</i> (Dùng cho sinh viên Đại học Sư phạm TDTT), Nxb TDTT, Hà Nội. Tài liệu tham khảo: 1. Phạm Nguyên Phùng, Trần Tuyết Lan, Hoàng Minh Thuận (2011), <i>Giáo trình thể dục đồng diễn</i>, (Dùng cho trường ĐH SP Thể dục thể thao), Nxb Thể dục thể thao Hà Nội. 2. Ts. Nguyễn Văn Phúc (2012), <i>Các bài tập thể lực trong Điền kinh</i>, Nxb TDTT, Hà Nội.
10		Giáo dục thể chất 2(ĐH)	3	Tài liệu bắt buộc: 1. Luật thi đấu Cầu Lông (2014), Nxb TDTT. 2. Phạm Xuân Thành (2014), <i>Giáo trình Cầu Lông</i>, Nxb TDTT. 3., Nguyễn Ngọc Khương (2006), <i>Võ Karate căn bản</i>, NxbTDTT.

TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo (Tài liệu bắt buộc – Tài liệu tham khảo thêm)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	PPE2011			4. Trần Tuấn Hiếu (2006), <i>Hướng dẫn học Karate</i>, Nxb TĐTT. 5. Vũ Thanh Mai (2011), <i>Khiêu vũ thể thao</i>, Nxb Thể dục thể thao. 6. Trần Nguyệt Đán Trường ĐHSP Nghệ thuật TW (2008), <i>Xã hội hóa thể dục thể thao trong các trường Cao đẳng, Đại học chuyên nghiệp</i>, đề tài cấp Bộ. Tài liệu tham khảo: 1. Th.S. Trần Văn Vinh (1998), <i>Cầu Long</i>, Nxb TĐTT. 2., Mạnh Dương (2006), <i>Karate - Kỹ thuật tự vệ</i>, Nxb TĐTT . 3. Bộ đĩa khiêu vũ thể thao.
11		Giáo dục quốc phòng		Theo chương trình của TTGDQP
II. Khối kiến thức cơ bản chung của nhóm ngành (M2)			13	
II.1. Các môn học bắt buộc			9	
12	PPE2008	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	Tài liệu chính 1. Vũ Cao Đàm (2009), <i>Giáo trình phương pháp luận nghiên cứu khoa học</i>. Nhà xuất bản Thế giới. 2. Hoàng Mộc Lan (2013), <i>Giáo trình phương pháp nghiên cứu tâm lý học</i>, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia, Hà Nội. 3. Phạm Văn Quyết (Chủ biên), (2011), <i>Phương pháp nghiên</i>

TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo (Tài liệu bắt buộc – Tài liệu tham khảo thêm)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
				<i>cứu xã hội học</i> , Nhà xuất bản Đại học Quốc Gia
13		Mỹ học	2	Tài liệu tham khảo: 1. Đỗ Xuân Hà (1998), <i>Giáo dục thẩm mỹ - Một món nợ lớn đối với thế hệ trẻ</i>, Nxb Giáo dục. 2. A.E.Ren - Croxx (1984), <i>Mỹ học- Một khoa học diệu kỳ</i>, Nxb Chính trị Quốc gia; 3. Đỗ Huy (2001), <i>Mỹ học- Khoa học về các quan hệ thẩm mỹ</i>, Nxb Khoa học xã hội. 4. Lê Tầm, Trần Đình Sử (dịch) (2002), <i>Bốn bài giảng mỹ học</i>. 5. Đỗ Huy, Đỗ Văn Khang (1985), <i>Mỹ học Mac - Lênin</i>, Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp. 6. Hoài Lam (1997), <i>Tìm hiểu Mỹ học Mac – Lênin</i>, Nxb văn hóa. 7. Đỗ Văn Khang (1997), <i>Mỹ học đại cương</i>, Nxb Giáo dục. 8. Nhiều tác giả (1978), <i>Cái đẹp</i>, Thanh niên. 9. V.C.Xerachrosilop, Iu.A.Lukin (1984), <i>Nguyên lý mỹ học Mac - Lênin</i>, Nxb Sách giáo khoa Mac - Lênin. 10. F.Opxiannhicop (2001), <i>Mỹ học cơ bản và nâng cao</i>, Nxb Văn hóa Thông tin. 11. Vũ Minh Tâm (1998), <i>Mỹ học và giáo dục thẩm mỹ</i>, Nxb Giáo dục.

TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo (Tài liệu bắt buộc – Tài liệu tham khảo thêm)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
				12. Nguyễn Khắc Sính (2007), <i>Mỹ học đại cương</i>, Nxb Đại học Đà Nẵng. 13. Lê Ngọc Trà (1994), <i>Mỹ học đại cương</i>, Nxb VH Thông tin.
14		Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	Tài liệu bắt buộc: 1. Trần Quốc Vượng (chủ biên) (1997), <i>Cơ sở văn hóa Việt Nam</i>, Nxb Giáo dục, Hà Nội. 2. Trần Ngọc Thêm (1997), <i>Cơ sở văn hóa Việt Nam</i>, Nxb Giáo dục. Tài liệu tham khảo: 1. Hồ Chí Minh (1971), <i>Về công tác Văn hóa văn nghệ</i>, Nxb Sự thật; 2. Phạm Văn Đồng (1994), <i>Văn hóa và đổi mới</i>, Nxb Chính trị quốc gia. 3. <i>Đảng cộng sản Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX, XI.</i> 4. Vũ Tự Lập (1991), <i>Văn hóa và cư dân đồng bằng sông Hồng</i>, Nxb Khoa học kỹ thuật. 5. Nguyễn Văn Huyền, <i>Góp phần nghiên cứu văn hóa Việt Nam</i>, Nxb khoa học kỹ thuật. 6. Đào Duy Anh (1992), <i>Văn hóa VN sử cương</i>, Nxb TP Hồ chí Minh.

TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo (Tài liệu bắt buộc – Tài liệu tham khảo thêm)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
				7. Đinh Gia Khánh (1995), <i>Các vùng văn hóa Việt Nam</i> , Nxb Văn học. 8. Phan Ngọc (1994), <i>Văn hóa và cách tiếp cận mới</i> , Nxb Văn hóa Nghệ thuật. 9. Trương Thìn (1995), <i>Văn hóa phi vật thể xứ Huế</i> , Nxb Văn hoá Nghệ thuật.
15		Đường lối văn hóa văn nghệ của Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Tài liệu bắt buộc: 1. Đảng cộng sản Việt Nam (1943), <i>Đề cương về Cách mạng Việt Nam</i> 2. Đảng cộng sản Việt Nam (1998), <i>Văn kiện hội nghị TW 5 khoá VIII</i> , Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội Tài liệu tham khảo: 1. Đảng cộng sản Việt Nam (2004), <i>Nghị quyết TW 10 khoá IX</i> ; 2. Luật báo chí, Luật xuất bản, Luật di sản văn hoá, Pháp lệnh quảng cáo, Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo, Luật giáo dục . 3. Nguyễn Khoa Điềm (chủ biên) (2002), <i>Xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc</i> , Nxb Chính trị Quốc Gia, Hà Nội 4. <i>Giáo trình lý luận văn hoá và Đường lối văn hoá của Đảng cộng sản Việt Nam</i> , (2002) (Dùng cho hệ lý luận chính trị cao cấp), Nxb Chính trị Quốc Gia,H.
II.2. Các môn học tự chọn			4/8	
16		Nghệ thuật học đại cương	2	Tài liệu tham khảo: 1. Lukin (1984), <i>Nguyên lý mỹ học Mác - Lênin</i> , Nxb Sách giáo

TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo (Tài liệu bắt buộc – Tài liệu tham khảo thêm)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
				khoa Mác-Lênin. 2. Lê Lưu Oanh (2006), <i>Văn học và các loại hình nghệ thuật</i> , Nxb Đại học Sư phạm. 3. Erika Fisher – Lichte, Lotman (1997), <i>Ký hiệu học nghệ thuật</i> , Viện Nghệ thuật và Lưu trữ điện ảnh Việt Nam. 4. E.H.Gombrich (1998), <i>Câu chuyện nghệ thuật</i> , Nxb Văn nghệ TP Hồ Chí Minh. 5. I.U.M.Lotman (2004), <i>Cấu trúc văn bản nghệ thuật</i> , Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội. 6. Xavier Barral I Atet (2004), <i>Lịch sử nghệ thuật</i> , Nxb Thế giới. 7. M. Cagan (2004), <i>Hình thái học nghệ thuật</i> , Nxb Hội Nhà văn. 8. Vugôtxki (1995), <i>Tâm lý học nghệ thuật</i> , Nxb KHXH. 9. Nguyễn Thị Minh Thái (2005), <i>Phê bình tác phẩm văn học, nghệ thuật trên báo chí</i> , Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội. 10. Đỗ Văn Khang (2001), <i>Nghệ thuật học</i> , Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
17	PPE2003	Quản lý hành chính nhà nước và Quản lý ngành giáo dục đào tạo	2	Tài liệu chính Phạm Viết Vượng (Chủ biên), Ngô Thành Can, Trần Quang Cấn, Đỗ Ngọc Đạt, Đặng Thị Thanh Huyền, Nguyễn Văn Long, Nguyễn Đức Thìn, (2006), <i>Quản lý hành chính Nhà nước và Quản lý ngành Giáo dục và Đào tạo</i> , Nxb Đại học Sư phạm, Hà

TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo (Tài liệu bắt buộc – Tài liệu tham khảo thêm)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
				Nội. Tài liệu tham khảo 1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), <i>Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông nhiều cấp học</i>, Ban hành kèm theo quyết định số: 07/2007/QĐ-BGDĐT ngày 02 tháng 4 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, http://www.moj.gov.vn/vbpq. 2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), <i>Điều lệ trường tiểu học</i>, Ban hành kèm theo quyết định số: 51/2007/QĐ-BGDĐT ngày 31 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, http://congbao.chinhphu.vn/congbao. 3. Phan Thanh Long (chủ biên) (2010), <i>Lý luận giáo dục</i>, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội. 4. Chính phủ (2012), <i>Chiến lược phát triển giáo dục 2011-2020</i>, số 711/QĐ – TTg, ngày 13 tháng 6 năm 2012. http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal. 5. Học viện Hành chính (2010), <i>Tài liệu bồi dưỡng về Quản lý hành chính nhà nước (Chương trình chuyên viên chính), phần 2</i>, NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội. 6. Trường Đại học Luật Hà Nội, <i>Giáo trình Luật Hành chính Việt Nam (2011)</i>, NXB Công an nhân dân.

TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo (Tài liệu bắt buộc – Tài liệu tham khảo thêm)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
				7. Quốc hội (2008), <i>Luật cán bộ, công chức, viên chức</i> , 2012 Nxb Lao động. 9. Quốc hội (2005), <i>Luật Giáo dục (2012)</i> , Nxb Lao động.
18	PPE2004	Tâm lý học nghệ thuật	2	Tài liệu chính 1. Vugotxki L.X (1995), <i>Tâm lý học nghệ thuật</i>, Nhà xuất bản Khoa học Xã hội. 2. Lê Đức Phúc (2009), <i>Bài giảng Tâm lý học văn hóa</i>, Nhà xuất bản ĐHQGHN Tài liệu tham khảo 1. Freud (2004), (Người dịch: Đỗ Lai Thúy), <i>Phân tâm học và văn học nghệ thuật</i>, NXB Văn hóa thông tin, Hà Nội 2. Chu Quang Tiềm (1991), <i>Tâm lý văn nghệ</i>, NXB Văn học, Hà Nội 3. Nguyễn Huy Tú (2007), <i>Bộ trắc nghiệm sáng tạo của Klauss K. Urban với những ứng dụng ở nước ngoài và Việt Nam</i>, NXB ĐHSP Hà Nội
19		Tiếng Việt thực hành	2	Tài liệu bắt buộc: 1. Bùi Minh Toán, Lê A , Đỗ Việt Hùng (1998), <i>Tiếng Việt thực hành</i>, Nxb Giáo dục. Tài liệu tham khảo: 2. Bùi Minh Toán, Nguyễn Quang Ninh (2003), <i>Tiếng Việt thực hành</i>, Nxb Đại học sư phạm. 3. Nguyễn Minh Thuyết (Chủ biên), Nguyễn Văn Hiệp (1997), <i>Tiếng Việt thực hành</i>, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.

TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo (Tài liệu bắt buộc – Tài liệu tham khảo thêm)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
				4. Phan Thiều (1998), <i>Rèn luyện ngôn ngữ</i> tập 1, Nxb Giáo dục. 5. Phan Thiều (1998), <i>Rèn luyện ngôn ngữ</i> tập 2, Nxb Giáo dục.
III. Khối kiến thức cơ sở ngành (M3)			41	
III.1 Các môn học bắt buộc			33	
20		Lịch sử Âm nhạc thế giới 1	2	Tài liệu bắt buộc: 1. Nguyễn Thị Tố Mai (2012), <i>Giáo trình Lịch sử âm nhạc thế giới (phần châu Âu) cho hệ ĐHSP Âm nhạc</i> . Tài liệu lưu hành nội bộ Trường ĐHSP Nghệ thuật TW. Tài liệu tham khảo: 1. Alosvang (1977), <i>Bêtôven</i> . Lan Hương dịch. NXB Văn hoá. Hà Nội. 2. K. Marie Stolba. <i>The development of Western music, a history</i> . Purdue University at Fort Wayne. Brown and Bench mark. 3. V. Konhen (1976). <i>Lịch sử âm nhạc thế giới</i> . NXB Âm nhạc. Moskva. 4. Nhiều tác giả (1981), <i>Các thể loại âm nhạc</i> . Người dịch: Lan Hương. NXB Văn hóa- Hà Nội. 5. Phạm Lê Hòa (2007), <i>Các nhạc sĩ nổi tiếng thế giới</i> . NXB Âm nhạc, Hà Nội. 6. Nguyễn Thị Tố Mai (2010), <i>Giáo trình Lịch sử âm nhạc cho hệ CĐSP Âm nhạc</i> . Trường ĐHSP Nghệ thuật TW. 7. Nguyễn Thị Nhung (1996), <i>Thể loại âm nhạc</i> . Nxb Âm

TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo (Tài liệu bắt buộc – Tài liệu tham khảo thêm)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
				nhạc- Nhạc viện Hà Nội, Hà Nội. 8. Nguyễn Xinh (1983), <i>Lịch sử âm nhạc thế giới tập I</i> . Nhạc viện Hà Nội, 9. Nguyễn Xinh, Thế Vinh, Nguyễn Thị Nhung (1987), <i>Lịch sử âm nhạc thế giới tập I</i> . Nhạc viện Hà Nội.
21		Lịch sử Âm nhạc thế giới 2	2	Tài liệu bắt buộc: 1. Nguyễn Thị Tố Mai (2012), <i>Giáo trình Lịch sử âm nhạc thế giới (phần châu Âu) cho hệ ĐHSP Âm nhạc</i> . Tài liệu lưu hành nội bộ Trường ĐHSP Nghệ thuật TW. Tài liệu tham khảo: 1. Alosvang (1977), <i>Bêtoven</i> . Lan Hương dịch. NXB Văn hoá. Hà Nội. 2. K. Marie Stolba. <i>The development of Western music, a history</i> . Purdue University at Fort Wayne. Brown and Benchmark. 3. V. Konhen (1976). <i>Lịch sử âm nhạc thế giới</i> . NXB Âm nhạc. Moskva. 4. Nhiều tác giả (1981), <i>Các thể loại âm nhạc</i> . Người dịch: Lan Hương. NXB Văn hóa- Hà Nội. 5. Phạm Lê Hòa (2007), <i>Các nhạc sĩ nổi tiếng thế giới</i> . NXB Âm nhạc, Hà Nội. 6. Nguyễn Thị Tố Mai (2010), <i>Giáo trình Lịch sử âm nhạc cho hệ CĐSP Âm nhạc</i> . Trường ĐHSP Nghệ thuật TW. 7. Nguyễn Thị Nhung (1996), <i>Thể loại âm nhạc</i> . Nxb Âm nhạc- Nhạc viện Hà Nội, Hà Nội. 8. Nguyễn Xinh (1983), <i>Lịch sử âm nhạc thế giới tập I</i> . Nhạc

TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo (Tài liệu bắt buộc – Tài liệu tham khảo thêm)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
				viện Hà Nội; 9. Nguyễn Xinh, Thế Vinh, Nguyễn Thị Nhung (1987), <i>Lịch sử âm nhạc thế giới tập I</i> . Nhạc viện Hà Nội.
22		Lịch sử Âm nhạc thế giới 3	3	Tài liệu bắt buộc: 1. Nguyễn Thị Tố Mai (2012), <i>Giáo trình Lịch sử âm nhạc thế giới (phần châu Âu) cho hệ ĐHSP Âm nhạc</i>. Tài liệu lưu hành nội bộ Trường ĐHSP Nghệ thuật TW. Tài liệu tham khảo: 1. Alosvang (1977), <i>Bêtoven</i>. Lan Hương dịch. NXB Văn hoá. Hà Nội. 2. K. Marie Stolba. <i>The development of Western music, a history</i>. Purdue University at Fort Wayne. Brown and Benchmark. 3. V. Konhen (1976). <i>Lịch sử âm nhạc thế giới</i>. NXB Âm nhạc. Moskva. 4. Nhiều tác giả (1981), <i>Các thể loại âm nhạc</i>. Người dịch: Lan Hương. NXB Văn hóa- Hà Nội. 5. Phạm Lê Hòa (2007), <i>Các nhạc sĩ nổi tiếng thế giới</i>. NXB Âm nhạc, Hà Nội. 6. Nguyễn Thị Tố Mai (2010), <i>Giáo trình Lịch sử âm nhạc cho hệ CĐSP Âm nhạc</i>. Trường ĐHSP Nghệ thuật TW. 7. Nguyễn Thị Nhung (1996), <i>Thể loại âm nhạc</i>. Nxb Âm nhạc- Nhạc viện Hà Nội, Hà Nội. 8. Nguyễn Xinh (1983), <i>Lịch sử âm nhạc thế giới tập I</i>. Nhạc viện Hà Nội,. 9. Nguyễn Xinh, Thế Vinh, Nguyễn Thị Nhung (1987), <i>Lịch</i>

TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo (Tài liệu bắt buộc – Tài liệu tham khảo thêm)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
				<i>sử âm nhạc thế giới tập I. Nhạc viện Hà Nội.</i>
23		Âm nhạc mới Việt Nam	2	Tài liệu học tập; - Thụy Loan (1993), <i>Lược sử âm nhạc Việt Nam</i>, Nhạc viện Hà Nội, Nxb âm nhạc. - Nguyễn Tổ Mai (1992), LVTN đại học , <i>Vài nét tìm hiểu những ca khúc Việt Nam tiếp thu phong cách nhạc Rock</i>, Nhạc viện Hà Nội. - Tú Ngọc, Nguyễn Thị Nhung, Vũ Tự Lân, Ngọc Oánh, Thái Phiên (2000), <i>Âm nhạc mới Việt Nam - tiến trình và những thành tựu</i>, Viện Âm nhạc. - Nguyễn Thị Nhung (1988), <i>Giảng nhạc</i>, Nhạc viện Hà Nội. - Nguyễn Thị Nhung (1996), <i>Thể loại âm nhạc</i>, Nxb Âm nhạc. - Lương Ninh (2005), <i>Lịch sử thế giới cổ đại</i>, Nxb giáo dục. - Đào Trọng Từ - Đỗ Mạnh Thường - Đức Bằng (1987), <i>Thuật ngữ và kí hiệu âm nhạc thường dung</i>, Nxb Văn hóa. - Âm nhạc Việt Nam, tác giả và tác phẩm – Tập I, II, III, IV,V- Bộ Văn hóa Thông tin, Nhạc viện Hà Nội, Viện Âm nhạc - Hội nhạc sĩ Việt Nam (1997), <i>Nhạc sĩ Việt Nam hiện đại</i>. - Tuyển tập ca khúc Việt nam tập I, II, III, Ca khúc tiền chiến, 100 ca khúc chào thế kỷ, Hát mãi về Trường Sơn, v.v...
24		Âm nhạc cổ truyền Việt Nam	3	Tài liệu bắt buộc: - Nguyễn Thụy Loan (2006), <i>Giáo trình Âm nhạc cổ truyền Việt Nam</i>, Nxb ĐHSP; - Hà Thị Hoa (2012), <i>Tài liệu âm nhạc cổ truyền Việt Nam cho hệ ĐHSP Âm nhạc</i> (lưu hành nội bộ Trường ĐHSP Nghệ thuật TW);

TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo (Tài liệu bắt buộc – Tài liệu tham khảo thêm)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
				3. Băng cassette CD,VCD về Âm nhạc cổ truyền Việt Nam do Hồ Guom audio, Viện Âm nhạc và các Nxb khác sản xuất. Tài liệu tham khảo: 1. Nguyễn Thụy Loan (1997), <i>phần Âm nhạc cổ truyền trong CD - Rom Việt Nam, Trung tâm Công nghệ thông tin Du lịch</i>, Tổng cục Du lịch, Hà Nội; 2. Phạm Phúc Minh (1994), <i>Tìm hiểu dân ca Việt Nam</i>, Nxb Âm nhạc, Hà Nội; 3. Tú Ngọc (1994), <i>Dân ca người Việt</i>, Nxb Âm nhạc, Hà Nội; 4. Ngô Đức Thịnh (chủ biên) (2002), <i>Văn hoá vùng và phân vùng văn hóa ở Việt Nam</i>, Viện Nghiên cứu Văn hoá, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội; 5. Các tập dân ca nhạc cổ đã xuất bản từ 1960; 6. <i>Dân ca Việt Nam</i> (2002), Nxb Âm nhạc, Hà Nội.
25		Lý thuyết âm nhạc 1	3	Tài liệu bắt buộc: 1. Trịnh Hoài Thu chủ biên (2012), <i>Giáo trình Lý thuyết âm nhạc cho hệ ĐHSP Âm nhạc</i> (lưu hành nội bộ Trường ĐHSP Nghệ thuật TW). Tài liệu tham khảo: 1. Spaxôbin (1962), <i>Nhạc lý cơ bản</i>, Nxb Âm nhạc. 2. V.A.Vakhramêep (1982), <i>Lý thuyết âm nhạc cơ bản</i>, Nxb Văn hóa. 3. Phạm Tú Hương, Đỗ Xuân Tùng, Nguyễn Trọng Ánh (2005), <i>Lý thuyết âm nhạc cơ bản</i>, Hà Nội. 4. Đỗ Hải Lễ (1996), <i>Lý thuyết cơ bản về âm nhạc</i>, Trường CDSP Nhạc Họa TW.

TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo (Tài liệu bắt buộc – Tài liệu tham khảo thêm)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
				5. Trịnh Tuấn (1986), <i>Lý thuyết âm nhạc cơ bản</i> , Trường CDSP Nhạc Họa TW.
26		Múa	3	Tài liệu học tập: 1. Giáo trình Múa dân gian, Trường CD Múa VN; 2. Kiều Cây (1998), <i>Giáo trình múa dân gian dân tộc Tày</i>, Trường CD Múa VN; 3. Lê Ngọc Canh (1999), <i>Văn hóa dân gian những thành tố</i>, Nxb VHNT, HN; 4. Lê Ngọc Canh (1999), <i>Đại cương múa dân gian</i>, Nxb VHNT, HN. 5. Nguyễn Đình Hiệp (sưu tầm và biên soạn) (1995), <i>Âm nhạc và múa cơ bản dân gian</i>, Trường CD Múa VN; 6. Trần Đức Viễn, Phùng Hồng Quý (1998), <i>Giáo trình múa dân gian dân tộc Thái</i>, Trường CD Múa VN; 7. B.Costravitaia – A.Pisarep, <i>Múa cổ điển Châu Âu</i>, Biên dịch Trương Lê Giáp, Nxb VHNT, Hà Nội.
27		Phân tích tác phẩm âm nhạc 1	2	Tài liệu bắt buộc: 1. Phạm Lê Hòa (2012), <i>Giáo trình môn Phân tích tác phẩm âm nhạc</i> cho hệ ĐHSP Âm nhạc (Lưu hành nội bộ Trường ĐHSP Nghệ thuật TW). Tài liệu tham khảo: 1. Iu.N. Chiulin (Chủ biên), T. Bersatskaya, I. Pusturnnic, A. Pen, T. Ter-Martirosian, A. Snhitke (1974), <i>Hình thức âm nhạc (Bản tiếng Nga)</i>, Nxb Âm nhạc, Matxcova;

TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo (Tài liệu bắt buộc – Tài liệu tham khảo thêm)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
				2. 2.Đào Ngọc Dung (2001), <i>Phân tích tác phẩm âm nhạc</i>, Nxb Giáo dục, Hà Nội; 3. Hồng Đăng (1983), <i>Các nhạc khí trong dàn nhạc giao hưởng</i>, Nxb Văn hóa; 4. G. Golovinsky, M. Roiterstein (1975), <i>Sách về âm nhạc (Bản tiếng Nga)</i>, NXB "Nhạc sỹ Xô viết", Matxcova; 5. Phạm Lê Hòa (1997), <i>Khí nhạc Việt Nam trong bối cảnh tiến triển phong cách âm nhạc thế kỷ XX (Bản tiếng Nga)</i>, Viện hàn lâm âm nhạc quốc gia Ucraina mang tên P.I. Tchaikovsky; 6. Đào Trọng Minh (2001), <i>Phân tích tác phẩm âm nhạc</i>, NXB Trẻ; 7. Nguyễn Thị Nhung (1991), <i>Hình thức âm nhạc</i>, Nxb Âm nhạc, Hà Nội; 8. Nguyễn Thị Nhung (2005), <i>Phân tích tác phẩm âm nhạc</i>, Nhạc viện Hà Nội, Trung tâm thông tin-thư viện âm nhạc; 9. Nhiều tác giả (2007), <i>Từ điển Bách khoa toàn thư (TĐBKTT)</i> gồm 4 tập của Hội đồng quốc gia chỉ đạo biên soạn Từ điển Bách khoa Việt Nam; 10. Nhiều tác giả (Văn Tân chủ biên) (1977), <i>Từ điển tiếng Việt</i>, Nxb Khoa học Xã hội; 11. Nhiều tác giả (Người dịch: Lan Hương) (1981), <i>Các thể loại âm nhạc</i>, Nxb Văn hóa; 12. V.A. Vakhromeev (1975), <i>Lý thuyết cơ bản của âm nhạc (bản tiếng Nga)</i>, (Xuất bản lần thứ bảy), Nxb Âm nhạc Matxcova.

TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo (Tài liệu bắt buộc – Tài liệu tham khảo thêm)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
28		Phân tích tác phẩm âm nhạc 2	2	Tài liệu bắt buộc: 1. Phạm Lê Hòa (2012), <i>Giáo trình môn Phân tích tác phẩm âm nhạc</i> cho hệ ĐHSP Âm nhạc (Lưu hành nội bộ Trường ĐHSP Nghệ thuật TW). Tài liệu tham khảo: 1. Iu.N. Chiulin (Chủ biên), T. Bersatskaya, I. Pusturnnic, A. Pen, T. Ter-Martirosian, A. Snhitke (1974), <i>Hình thức âm nhạc (Bản tiếng Nga)</i>, Nxb Âm nhạc, Matxcova; 2. Đào Ngọc Dung (2001), <i>Phân tích tác phẩm âm nhạc</i>, Nxb Giáo dục, Hà Nội; 3. Hồng Đăng (1983), <i>Các nhạc khí trong dàn nhạc giao hưởng</i>, Nxb Văn hóa; 4. G. Golovinsky, M. Roiterstein (1975), <i>Sách về âm nhạc (Bản tiếng Nga)</i>, NXB "Nhạc sỹ Xô viết", Matxcova; 5. Phạm Lê Hòa (1997), <i>Khí nhạc Việt Nam trong bối cảnh tiến triển phong cách âm nhạc thế kỷ XX (Bản tiếng Nga)</i>, Viện hàn lâm âm nhạc quốc gia Ucraina mang tên P.I. Tchaikovsky; 6. Đào Trọng Minh (2001), <i>Phân tích tác phẩm âm nhạc</i>, NXB Trẻ; 7. Nguyễn Thị Nhung (1991), <i>Hình thức âm nhạc</i>, Nxb Âm nhạc, Hà Nội; 8. Nguyễn Thị Nhung (2005), <i>Phân tích tác phẩm âm nhạc</i>, Nhạc viện Hà Nội, Trung tâm thông tin-thư viện âm nhạc; 9. Nhiều tác giả (2007), <i>Từ điển Bách khoa toàn thư (TĐBKTT)</i> gồm 4 tập của Hội đồng quốc gia chỉ đạo biên soạn Từ điển

TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo (Tài liệu bắt buộc – Tài liệu tham khảo thêm)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
				Bách khoa Việt Nam; 10. Nhiều tác giả (Văn Tân chủ biên) (1977), <i>Từ điển tiếng Việt</i>, Nxb Khoa học Xã hội; 11. Nhiều tác giả (Người dịch: Lan Hương) (1981), <i>Các thể loại âm nhạc</i>, Nxb Văn hóa; 12. V.A. Vakhromeev (1975), <i>Lý thuyết cơ bản của âm nhạc (bản tiếng Nga)</i>, (Xuất bản lần thứ bảy), Nxb Âm nhạc Matxcova.
29		Phân tích tác phẩm âm nhạc 3	2	Tài liệu bắt buộc: 1. Phạm Lê Hòa (2012), <i>Giáo trình môn Phân tích tác phẩm âm nhạc</i> cho hệ ĐHSP Âm nhạc (Lưu hành nội bộ Trường ĐHSP Nghệ thuật TW). Tài liệu tham khảo: 1. Iu.N. Chiulin (Chủ biên), T. Bersatskaya, I. Pusturnnic, A. Pen, T. Ter-Martirosian, A. Snhitke (1974), <i>Hình thức âm nhạc (Bản tiếng Nga)</i>, Nxb Âm nhạc, Matxcova; 2. Đào Ngọc Dung (2001), <i>Phân tích tác phẩm âm nhạc</i>, Nxb Giáo dục, Hà Nội; 3. Hồng Đăng (1983), <i>Các nhạc khí trong dàn nhạc giao hưởng</i>, Nxb Văn hóa; 4. G. Golovinsky, M. Roiterstein (1975), <i>Sách về âm nhạc (Bản tiếng Nga)</i>, NXB "Nhạc sỹ Xô viết", Matxcova; 5. Phạm Lê Hòa (1997), <i>Khí nhạc Việt Nam trong bối cảnh tiến triển phong cách âm nhạc thế kỷ XX (Bản tiếng Nga)</i>, Viện hàn lâm âm nhạc quốc gia Ucraina mang tên P.I. Tchaikovsky;

TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo (Tài liệu bắt buộc – Tài liệu tham khảo thêm)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
				6. Đào Trọng Minh (2001), <i>Phân tích tác phẩm âm nhạc</i> , NXB Trẻ; 7. Nguyễn Thị Nhung (1991), <i>Hình thức âm nhạc</i> , Nxb Âm nhạc, Hà Nội; 8. Nguyễn Thị Nhung (2005), <i>Phân tích tác phẩm âm nhạc</i> , Nhạc viện Hà Nội, Trung tâm thông tin-thư viện âm nhạc; 9. Nhiều tác giả (2007), <i>Từ điển Bách khoa toàn thư (TĐBKTT)</i> gồm 4 tập của Hội đồng quốc gia chỉ đạo biên soạn Từ điển Bách khoa Việt Nam; 10. Nhiều tác giả (Văn Tân chủ biên) (1977), <i>Từ điển tiếng Việt</i> , Nxb Khoa học Xã hội; 11. Nhiều tác giả (Người dịch: Lan Hương) (1981), <i>Các thể loại âm nhạc</i> , Nxb Văn hóa; 12. V.A. Vakhromeev (1975), <i>Lý thuyết cơ bản của âm nhạc (bản tiếng Nga)</i> , (Xuất bản lần thứ bảy), Nxb Âm nhạc Matxcova.
30		Hòa thanh	2	Tài liệu tham khảo: 1. Dubôpxki, X. Epxeep, I. Xpaxôbin, V. Xôcôlôp, <i>Sách giáo khoa hòa âm</i> , (Tập I- 1963 và tập II - 1966), Lý Trọng Hưng dịch, Nxb Văn hóa – Nghệ thuật, Hà Nội; 2. Phạm Tú Hương- Vũ Nhật Thăng (1993), <i>Sách giáo khoa hòa thanh</i> , Nhạc viện Hà Nội, Nxb Âm nhạc; 3. Hải Lễ, <i>Hoà âm</i> , Tài liệu lưu hành nội bộ Trường ĐHSP Nghệ thuật TW; 4. Một số tài liệu Hoà âm khác của Học viện Âm nhạc quốc gia

TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo (Tài liệu bắt buộc – Tài liệu tham khảo thêm)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
				Việt Nam.
31		Ký xướng âm 1	2	Tài liệu bắt buộc: 1. Nguyễn Trọng Ánh, Phạm Tú Hương, Hoàng Hoa, Phạm Thanh Vân (2004), <i>Xướng âm trình độ 5,6,7</i>, (Hệ trung học Âm nhạc chuyên nghiệp), Nhạc viện Hà Nội; 2. Hoàng Hoa - Phạm Phương Hoa (2000), <i>Giáo trình Ký-Xướng âm - Trình độ 1, Hệ Trung học Âm nhạc chuyên nghiệp</i>, Nhạc viện Hà nội, Hà Nội. 3. Đắc Quỳnh, <i>Giáo trình Xướng âm - Năm thứ nhất</i>, Trường CDSP Nhạc Hoạ TW. Tài liệu tham khảo: 1. Trịnh Hoài Thu và nhóm tác giả (2008), <i>Phương pháp dạy học Ký- Xướng âm trong đào tạo giáo viên hệ CDSP Âm nhạc</i>, Đề tài NCKH cấp bộ, Trường ĐHSPNNTTW, Hà Nội; 2. Phạm Thanh Vân - Nguyễn Hoàn Thông (2004), <i>Giáo trình Đọc - Ghi nhạc - Tập 1, 2</i>. (Giáo trình CDSP- Dự án đào tạo giáo viên THCS), NXB Đại học Sư phạm; 3. Phạm Tú Hương, Phạm Thanh Vân (2000), <i>Giáo trình Ký-Xướng âm – Trình độ 2</i>, (Hệ trung học Âm nhạc chuyên nghiệp), Nhạc viện Hà Nội; 4. Phạm Minh Khang, Nguyễn Trọng Ánh (2000), <i>Giáo trình Ký - Xướng âm – Trình độ 4</i>, (Hệ trung học Âm nhạc chuyên nghiệp), Nhạc viện Hà Nội.
32		Ký xướng âm 2	2	Tài liệu bắt buộc: 1. Nguyễn Trọng Ánh, Phạm Tú Hương, Hoàng Hoa, Phạm

TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo (Tài liệu bắt buộc – Tài liệu tham khảo thêm)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
				Thanh Vân (2004), <i>Xướng âm trình độ 5,6,7</i>, (Hệ trung học Âm nhạc chuyên nghiệp), Nhạc viện Hà Nội; 2. Hoàng Hoa - Phạm Phương Hoa (2000), <i>Giáo trình Ký-Xướng âm - Trình độ 1, Hệ Trung học Âm nhạc chuyên nghiệp</i>, Nhạc viện Hà nội, Hà Nội. 3. Đắc Quỳnh, <i>Giáo trình Xướng âm - Năm thứ nhất</i>, Trường CDSP Nhạc Hoạ TW. Tài liệu tham khảo: 1. Trịnh Hoài Thu và nhóm tác giả (2008), <i>Phương pháp dạy học Ký- Xướng âm trong đào tạo giáo viên hệ CDSP Âm nhạc</i>, Đề tài NCKH cấp bộ, Trường ĐHSPNNTTW, Hà Nội; 2. Phạm Thanh Vân - Nguyễn Hoàn Thông (2004), <i>Giáo trình Đọc - Ghi nhạc - Tập 1, 2</i>. (Giáo trình CDSP- Dự án đào tạo giáo viên THCS), NXB Đại học Sư phạm; 3. Phạm Tú Hương, Phạm Thanh Vân (2000), <i>Giáo trình Ký-Xướng âm – Trình độ 2</i>, (Hệ trung học Âm nhạc chuyên nghiệp), Nhạc viện Hà Nội; 4. Phạm Minh Khang, Nguyễn Trọng Ánh (2000), <i>Giáo trình Ký - Xướng âm – Trình độ 4</i>, (Hệ trung học Âm nhạc chuyên nghiệp), Nhạc viện Hà Nội.
33		Ký xướng âm 3	2	Tài liệu bắt buộc: 1. Nguyễn Trọng Ánh, Phạm Tú Hương, Hoàng Hoa, Phạm Thanh Vân (2004), <i>Xướng âm trình độ 5,6,7</i>, (Hệ trung học Âm nhạc chuyên nghiệp), Nhạc viện Hà Nội; 2. Hoàng Hoa - Phạm Phương Hoa (2000), <i>Giáo trình Ký-</i>

TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo (Tài liệu bắt buộc – Tài liệu tham khảo thêm)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
				<i>Xướng âm - Trình độ 1, Hệ Trung học Âm nhạc chuyên nghiệp, Nhạc viện Hà nội, Hà Nội.</i> 3. Đắc Quỳnh, <i>Giáo trình Xướng âm - Năm thứ nhất</i>, Trường CDSP Nhạc Hoạ TW. Tài liệu tham khảo: 1. Trịnh Hoài Thu và nhóm tác giả (2008), <i>Phương pháp dạy học Ký- Xướng âm trong đào tạo giáo viên hệ CDSP Âm nhạc</i>, Đề tài NCKH cấp bộ, Trường ĐHSPNTTW, Hà Nội; 2. Phạm Thanh Vân - Nguyễn Hoành Thông (2004), <i>Giáo trình Đọc - Ghi nhạc - Tập 1, 2</i>. (Giáo trình CDSP- Dự án đào tạo giáo viên THCS), NXB Đại học Sư phạm; 3. Phạm Tú Hương, Phạm Thanh Vân (2000), <i>Giáo trình Ký- Xướng âm – Trình độ 2</i>, (Hệ trung học Âm nhạc chuyên nghiệp), Nhạc viện Hà Nội; 4. Phạm Minh Khang, Nguyễn Trọng Ánh (2000), <i>Giáo trình Ký - Xướng âm – Trình độ 4</i>, (Hệ trung học Âm nhạc chuyên nghiệp), Nhạc viện Hà Nội.
34		Ký xướng âm 4	2	Tài liệu bắt buộc: 4. Nguyễn Trọng Ánh, Phạm Tú Hương, Hoàng Hoa, Phạm Thanh Vân (2004), <i>Xướng âm trình độ 5,6,7</i>, (Hệ trung học Âm nhạc chuyên nghiệp), Nhạc viện Hà Nội; 5. Hoàng Hoa - Phạm Phương Hoa (2000), <i>Giáo trình Ký- Xướng âm - Trình độ 1, Hệ Trung học Âm nhạc chuyên nghiệp</i>, Nhạc viện Hà nội, Hà Nội. 6. Đắc Quỳnh, <i>Giáo trình Xướng âm - Năm thứ nhất</i>, Trường CDSP Nhạc Hoạ TW.

TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo (Tài liệu bắt buộc – Tài liệu tham khảo thêm)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
				Tài liệu tham khảo: 1. Trịnh Hoài Thu và nhóm tác giả (2008), <i>Phương pháp dạy học Ký- Xướng âm trong đào tạo giáo viên hệ CĐSP Âm nhạc</i>, Đề tài NCKH cấp bộ, Trường ĐHSPNTTW, Hà Nội; 2. Phạm Thanh Vân - Nguyễn Hoành Thông (2004), <i>Giáo trình Đọc - Ghi nhạc - Tập 1, 2</i>, (Giáo trình CĐSP- Dự án đào tạo giáo viên THCS), NXB Đại học Sư phạm; 3. Phạm Tú Hương, Phạm Thanh Vân (2000), <i>Giáo trình Ký- Xướng âm – Trình độ 2</i>, (Hệ trung học Âm nhạc chuyên nghiệp), Nhạc viện Hà Nội; 4. Phạm Minh Khang, Nguyễn Trọng Ánh (2000), <i>Giáo trình Ký - Xướng âm – Trình độ 4</i>, (Hệ trung học Âm nhạc chuyên nghiệp), Nhạc viện Hà Nội.
III.2. Các môn học tự chọn			8/16	
35		Nhập môn phức điệu	2	1. Phạm Tú Hương (1998), <i>Sách giáo khoa phức điệu</i>, Nhạc viện Hà Nội; 2. Nhóm tác giả của Nga (1981), <i>Các thể loại âm nhạc</i>, (Người dịch: Lan Hương), Nxb Văn hóa, Hà Nội; 3. Đĩa CD, VCD, DVD, các bản nhạc tác phẩm viết theo lối âm nhạc phức điệu; 4. Các bài viết, tài liệu có liên quan.
36		Sáng tác	2	1. Đào Ngọc Dung (2001), <i>Phân tích tác phẩm âm nhạc</i>, NXB Giáo dục, Hà Nội; 2. Hồng Đăng (1983), <i>Các nhạc khí trong dàn nhạc giao hưởng</i>, NXB Văn hóa; 3. Đào Trọng Minh (2001), <i>Phân tích tác phẩm âm nhạc</i>, NXB

TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo (Tài liệu bắt buộc – Tài liệu tham khảo thêm)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
				Trẻ.
37		Giới thiệu nhạc cụ	2	Tài liệu tham học tập: - Hồng Đăng (1983), <i>Các nhạc khí trong dàn nhạc giao hưởng</i>, Nxb Văn hóa; - Lê Huy, Huy Trân (1984), <i>Các nhạc khí dân tộc Việt Nam</i>, Nxb Văn hóa; - Trịnh Tuấn (2002), <i>Các nhạc khí trong dàn nhạc giao hưởng</i>, Nxb Hà Nội, Trường CĐSP Nhạc Họa TW; <i>Tư liệu VCD, DVD và CD-ROM giới thiệu nhạc cụ.</i>
38		Dân ca	2	Tài liệu chính : - Bộ giáo dục và đào tạo, trường ĐHSP Nghệ thuật TW, <i>Giới thiệu về dân ca Việt Nam</i> (tài liệu dùng cho các trường Trung học cơ sở - Đề án: Hỗ trợ đưa dân ca vào trường Trung học cơ sở - 2009). <i>Dân ca Việt Nam - những làn điệu dân ca phổ biến</i> (2006), NXB Âm nhạc, Hà Nội. - Lê Văn Chường (2004), <i>Dân ca Việt Nam - những thành tố và chỉnh thể nguyên hợp</i>. NXB Khoa học xã hội. - Đặng Thị Lan (2013), <i>Tài liệu giảng dạy môn hát dân ca</i> (dùng cho hệ Đại học Sư phạm Âm nhạc, trường ĐHSP Nghệ thuật TW). - Phạm Phúc Minh (1993), <i>Tìm hiểu dân ca Việt Nam</i>, NXB Âm nhạc. 6.2. Tài liệu tham khảo - Nguyễn Thị Tuyết (2000), <i>Giáo trình hát Chèo</i>,

TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo (Tài liệu bắt buộc – Tài liệu tham khảo thêm)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
				Trường Đại học Sân khấu và Điện ảnh Hà Nội. 2. Đĩa VCD, DVD, CD
39		Hoạt động ngoài giờ lên lớp	2	Tài liệu học tập: 1. Bộ Giáo dục và đào tạo, Dự án phát triển giáo viên (2006), Tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, Nxb Giáo dục.
40		Phối hợp xướng	2	Tài liệu bắt buộc: 1. Đức Bằng (1980), <i>Ca hát và biểu diễn</i> , NXB Văn hóa Thông tin; 2. Đào Ngọc Dung, <i>Những bài hát tập thể - đồng ca – hợp xướng</i> , Trường Cao đẳng Sư phạm Nhạc – Họa TW; 3. Vũ Tự Lân, Lê Thế Hào (1998), <i>Phương pháp hát và chỉ huy dàn dựng hát tập thể</i> , NXB Giáo dục; 4. Đỗ Mạnh Thường, Nguyễn Minh Cầm (1982), <i>Hướng dẫn Hát tập thể</i> , NXB Văn hóa Thông tin; Tài liệu tham khảo: 1. Các tác phẩm âm nhạc kinh điển của các nhạc sĩ như: Haydn, Mozart, Beethoven, Schumann... Các tác phẩm nhạc đàn, nhạc hát nổi tiếng của các nhạc sĩ Việt Nam; 2. Đĩa VCD, DVD, CD. Các tác phẩm chuyển soạn, phối âm cho dàn nhạc, phối âm cho giọng hát. Các bài báo phê bình về các trào lưu, phong cách biểu diễn nghệ thuật nói chung và âm nhạc nói riêng...
41	PPE2007	Tâm lý học đại cương	2	Tài liệu chính

TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo (Tài liệu bắt buộc – Tài liệu tham khảo thêm)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
				1. Nguyễn Xuân Thức (chủ biên), Nguyễn Quang Uẩn, Nguyễn Văn Thạc, Trần Quốc Thành, Hoàng Anh, Lê Thị Bùng, Vũ Kim Thanh, Nguyễn Kim Quý, Nguyễn Thị Huệ, Nguyễn Đức Sơn(2007), <i>Giáo trình Tâm lý học đại cương</i>, Nxb ĐHSP, Hà Nội. 2. Nguyễn Quang Uẩn (chủ biên), Trần Trọng Thủy (2003), <i>Tâm lý học đại cương</i>, Nxb ĐHSP, Hà Nội. 3. Phan Trọng Ngọ (chủ biên), Dương Diệu Hoa, Nguyễn Thị Mùi, Nguyễn Nhân Ái, Bùi Thu Huyền (2005), <i>Bộ câu hỏi ôn tập và đánh giá kết quả học tập môn Tâm lý học đại cương</i>, Nxb ĐHSP, Hà Nội. Tài liệu tham khảo 1. Phạm Minh Hạc (chủ biên) (1992), <i>Tâm lý học</i>, Nxb Giáo dục, Hà Nội. 2. Trần Trọng Thủy (chủ biên), Ngô Công Hoàn, Bùi Văn Huệ, Lê Ngọc Lan, Nguyễn Quan Uẩn (1990), <i>Bài tập thực hành Tâm lý học</i>, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo (Tài liệu bắt buộc – Tài liệu tham khảo thêm)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
42	PPE2002	Giáo dục học	4	Tài liệu chính 1. Trần Thị Tuyết Oanh (chủ biên) (2007), <i>Giáo dục học, Tập 1</i>, Nxb ĐHSP, Hà Nội. 2. Trần Thị Tuyết Oanh (chủ biên) (2007), <i>Giáo dục học, Tập 2</i>, Nxb ĐHSP, Hà Nội. 3. Phạm Viết Vượng (2014), <i>Giáo dục học</i>, Nxb ĐHSP, Hà Nội. Tài liệu tham khảo 1. Thái Duy Tuyên (2007), <i>Những vấn đề chung của Giáo dục học</i>, Nxb ĐHSP. 2. Hà Thế Ngữ, Đặng Vũ Hoạt (1987), <i>Giáo dục học, tập 1 và tập 2</i>, Nxb Giáo dục, Hà Nội. 3. Bộ GD & ĐT – Dự án Việt – Bỉ, (2010), <i>Dạy và học tích cực – Một số phương pháp và kỹ thuật dạy học</i>, Nxb ĐHSP. 4. Nguyễn Tiên Đạt (2006), <i>Kinh nghiệm và thành tựu phát triển giáo dục và đào tạo trên thế giới, Tập 1 và tập 2</i>, Nxb Giáo dục. 5. <i>Luật giáo dục</i>, số 38/2005/QH11.
IV. Khối kiến thức chuyên ngành (M4)			30	
IV.1. Các môn học bắt buộc			25	
43		Lý thuyết âm nhạc 2	2	Tài liệu bắt buộc: 2. Trịnh Hoài Thu chủ biên (2012), <i>Giáo trình Lý thuyết âm nhạc cho hệ ĐHSP Âm nhạc</i> (lưu hành nội bộ Trường ĐHSP Nghệ thuật TW). Tài liệu tham khảo:

TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo (Tài liệu bắt buộc – Tài liệu tham khảo thêm)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
				6. Spaxôbin (1962), <i>Nhạc lý cơ bản</i> , Nxb Âm nhạc. 7. V.A.Vakhramêep (1982), <i>Lý thuyết âm nhạc cơ bản</i> , Nxb Văn hóa. 8. Phạm Tú Hương, Đỗ Xuân Tùng, Nguyễn Trọng Ánh (2005), <i>Lý thuyết âm nhạc cơ bản</i> , Hà Nội. 9. Đỗ Hải Lễ (1996), <i>Lý thuyết cơ bản về âm nhạc</i> , Trường CDSP Nhạc Họa TW. Trịnh Tuấn (1986), <i>Lý thuyết âm nhạc cơ bản</i> , Trường CDSP Nhạc Họa TW.
44	2004	Thanh nhạc 1	2	Tài liệu chính: 1. Vaccaj , <i>Phương pháp thực hành thanh nhạc cho giọng nam cao và nữ cao</i> : Đĩa CD, băng, Học viện Âm nhạc Quốc gia. 2. GS.NSND Nguyễn Trung Kiên , <i>Tuyển tập vocalises Đại học</i> . 3. GS.NSND Nguyễn Trung Kiên - <i>Tuyển tập Romance I,II</i> - Khoa thanh nhạc HVANQGVN, Tài liệu lưu hành nội bộ. 4. GS.NSND Nguyễn Trung Kiên (2001), <i>Phương pháp sư phạm Thanh nhạc chương trình Đại học</i> , Bộ Văn hóa Thông tin, Nhạc viện Hà Nội - Viện Âm nhạc. 5. GS.NSND Nguyễn Trung Kiên (2004), <i>Nghệ thuật Opera</i> , Viện Âm nhạc, Hà Nội. 6. Khoa Thanh nhạc (2014), <i>Chương trình Đại học Thanh nhạc</i> . 7. GS.NSND Nguyễn Trung Kiên (2010), <i>Giáo trình</i>

TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo (Tài liệu bắt buộc – Tài liệu tham khảo thêm)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
				thanh nhạc hệ Đại học, Bộ Văn hóa Thông tin, Hà Nội. 8. NGUYỄN. HỒ MỘ LA (2008), <i>Phương pháp dạy thanh nhạc</i>, Nxb Từ điển bách khoa. 9. Panopka (1807-1887), <i>24 vocalises</i> 10. Ths, NSUT. Mai Tuyết, Trung Tâm Thư viện và Ngoại Ngữ - Trường ĐHSPNT TW năm 2011 -Tuyển chọn những bài hát Nga nổi tiếng Thế giới(lưu hành nội bộ)
45	2005	Thanh nhạc 2	2	Tài liệu chính: 1. Vaccaj, <i>Phương pháp thực hành thanh nhạc cho giọng nam cao và nữ cao</i>: Đĩa CD, băng, Học viện Âm nhạc Quốc gia. 2. GS.NSND Nguyễn Trung Kiên, <i>Tuyển tập vocalises Đại học</i>. 3. GS.NSND Nguyễn Trung Kiên - <i>Tuyển tập Romance I,II</i> - Khoa thanh nhạc HVANQGVN, Tài liệu lưu hành nội bộ. 4. GS.NSND Nguyễn Trung Kiên (2001), <i>Phương pháp sư phạm Thanh nhạc chương trình Đại học</i>, Bộ Văn hóa Thông tin, Nhạc viện Hà Nội - Viện Âm nhạc. 5. GS.NSND Nguyễn Trung Kiên (2004), <i>Nghệ thuật Opera</i>, Viện Âm nhạc, Hà Nội. 6. Khoa Thanh nhạc (2014), <i>Chương trình Đại học Thanh nhạc</i>. 7. GS.NSND Nguyễn Trung Kiên (2010), <i>Giáo trình</i>

TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo (Tài liệu bắt buộc – Tài liệu tham khảo thêm)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
				thanh nhạc hệ Đại học, Bộ Văn hóa Thông tin, Hà Nội. 8. NGUYỄN. HỒ MỘ LA (2008), <i>Phương pháp dạy thanh nhạc</i>, Nxb Từ điển bách khoa. 9. Panopka (1807-1887), <i>24 vocalises</i> 10. Ths, NSUT. Mai Tuyết, Trung Tâm Thư viện và Ngoại Ngữ - Trường ĐHSPNT TW năm 2011 -Tuyển chọn những bài hát Nga nổi tiếng Thế giới(lưu hành nội bộ)
46		Thanh nhạc 3	2	Tài liệu chính: 1. Vaccaj, <i>Phương pháp thực hành thanh nhạc cho giọng nam cao và nữ cao</i>: đĩa CD, băng, Học viện Âm nhạc Quốc gia. 2. GS.NSND Nguyễn Trung Kiên, <i>Tuyển tập vocalises Đại học</i>. 3. GS.NSND Nguyễn Trung Kiên - <i>Tuyển tập Romance I,II</i> - Khoa thanh nhạc HVANQGVN, Tài liệu lưu hành nội bộ. 4. GS.NSND Nguyễn Trung Kiên (2001), <i>Phương pháp sư phạm Thanh nhạc chương trình Đại học</i>, Bộ Văn hóa Thông tin, Nhạc viện Hà Nội - Viện Âm nhạc. 5. GS.NSND Nguyễn Trung Kiên (2004), <i>Nghệ thuật</i>

TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo <i>(Tài liệu bắt buộc – Tài liệu tham khảo thêm)</i>
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
				<i>Opera</i>, Viện Âm nhạc, Hà Nội. 6. Khoa Thanh nhạc (2014), <i>Chương trình Đại học Thanh nhạc</i>. 7. GS.NSND Nguyễn Trung Kiên (2010), <i>Giáo trình thanh nhạc hệ Đại học</i>, Bộ Văn hóa Thông tin, Hà Nội. 8. NGUYỄN. HỒ MỘ LA (2008), <i>Phương pháp dạy thanh nhạc</i>, Nxb Từ điển bách khoa. 9. Panopka (1807-1887), <i>24 vocalises</i> 1. 10. Ths, NSUT. Mai Tuyết, Trung Tâm Thư viện và Ngoại Ngữ - Trường ĐHSPNT TW năm 2011 -Tuyển chọn những bài hát Nga nổi tiếng Thế giới(lưu hành nội bộ)
47	VMU 2007	Thanh nhạc 4	2	Tài liệu chính: 1. Vaccaj, <i>Phương pháp thực hành thanh nhạc cho giọng nam cao và nữ cao</i>: Đĩa CD, băng, Học viện Âm nhạc Quốc gia. 2. GS.NSND Nguyễn Trung Kiên, <i>Tuyển tập vocalises Đại học</i>. 3. GS.NSND Nguyễn Trung Kiên - <i>Tuyển tập Romance I,II</i> - Khoa thanh nhạc HVANQGVN, Tài liệu lưu hành nội bộ. 4. GS.NSND Nguyễn Trung Kiên (2001), <i>Phương</i>

TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo (Tài liệu bắt buộc – Tài liệu tham khảo thêm)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
				pháp sư phạm Thanh nhạc chương trình Đại học, Bộ Văn hóa Thông tin, Nhạc viện Hà Nội - Viện Âm nhạc. 5. GS.NSND Nguyễn Trung Kiên (2004), <i>Nghệ thuật Opera</i>, Viện Âm nhạc, Hà Nội. 6. Khoa Thanh nhạc (2014), <i>Chương trình Đại học Thanh nhạc</i>. 7. GS.NSND Nguyễn Trung Kiên (2010), <i>Giáo trình thanh nhạc hệ Đại học</i>, Bộ Văn hóa Thông tin, Hà Nội. 8. NGƯT. HỒ MỘ LA (2008), <i>Phương pháp dạy thanh nhạc</i>, Nxb Từ điển bách khoa. 9. Panopka (1807-1887), <i>24 vocalises</i> 1. 10. Ths, NSUT. Mai Tuyết, Trung Tâm Thư viện và Ngoại Ngữ - Trường ĐHSPNT TW năm 2011 -Tuyển chọn những bài hát Nga nổi tiếng Thế giới(lưu hành nội bộ)
48		Piano 1	4	Tài liệu học tập 1. M. Clementi, <i>Sonatine</i>, Nxb Moscow; 2. C. Czerny, <i>Konnyu teknikai gyakorlatok</i>, Nxb Moscow; 3. C. Czerny, <i>Exercices & Etudes pour piano op 599 và Op 299</i>, Nxb Moscow; 4. Diabelli, <i>Sonatas</i>, Nxb Zurich; 5. Fr. Kuhlau, <i>Sonatine</i>, NXB Leipzig ; 6. Nhiều tác giả, <i>Giáo trình Piano tập II, III, IV</i>, Nxb Moscow ; 7. V.A Mozart, <i>Complete Sonatas Book I & II</i>, Nxb Leipzig; 8. F. Mendelssohn, <i>Bài ca không lời</i>, Nxb Moscow; 9. Nhiều tác giả, <i>Giáo trình Piano tập III - IV</i> , Nxb Moscow;

TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo (Tài liệu bắt buộc – Tài liệu tham khảo thêm)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
				10. Nhiều tác giả, <i>Tập bài hát chùm hoa nắng</i> , Nxb Âm nhạc; 11. Manfred Smith, <i>Jazz Parnass tập I - II</i> , Nxb Leipzig; 12. Lê Vũ, Quang Đạt (1996), <i>Độc tấu trên đàn Organ – Keyboard tập II, III, IV</i> , Nxb Trẻ; 13. Tchaikovsky, <i>Bốn mùa</i> , Nxb Moscow. 14. Lê Vũ, Quang Đạt (1996), <i>Độc tấu trên đàn Organ – Keyboard tập I, II</i> , Nhà xuất bản Trẻ.
49		Piano 2	4	Tài liệu học tập 1. M. Clementi, <i>Sonatine</i> , Nxb Moscow; 2. C. Czerny, <i>Konnyu teknikai gyakorlatok</i> , Nxb Moscow; 3. C. Czerny, <i>Exercices & Etudes pour piano op 599 và Op 299</i> , Nxb Moscow; 4. Diabelli, <i>Sonatas</i> , Nxb Zurich; 5. Fr. Kuhlau, <i>Sonatine</i> , NXB Leipzig ; 6. Nhiều tác giả, <i>Giáo trình Piano tập II, III, IV</i> , Nxb Moscow ; 7. V.A Mozart, <i>Complete Sonatas Book I & II</i> , Nxb Leipzig; 8. F. Mendelssohn, <i>Bài ca không lời</i> , Nxb Moscow; 9. Nhiều tác giả, <i>Giáo trình Piano tập III - IV</i> , Nxb Moscow; 10. Nhiều tác giả, <i>Tập bài hát chùm hoa nắng</i> , Nxb Âm nhạc; 11. Manfred Smith, <i>Jazz Parnass tập I - II</i> , Nxb Leipzig; 12. Lê Vũ, Quang Đạt (1996), <i>Độc tấu trên đàn Organ – Keyboard tập II, III, IV</i> , Nxb Trẻ; 13. Tchaikovsky, <i>Bốn mùa</i> , Nxb Moscow. 14. Lê Vũ, Quang Đạt (1996), <i>Độc tấu trên đàn Organ – Keyboard tập I, II</i> , Nhà xuất bản Trẻ.
50		Hát hợp xướng	3	Tài liệu bắt buộc:

TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo (Tài liệu bắt buộc – Tài liệu tham khảo thêm)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
				1. Đức Bằng (1980), <i>Ca hát và biểu diễn</i> , Nxb Văn hóa Thông tin; 2. Đào Ngọc Dung, <i>Những bài hát tập thể - đồng ca – hợp xướng</i> , Trường Cao đẳng Sư phạm Nhạc – Họa TW. 3. Đỗ Mạnh Thường, Nguyễn Minh Cầm (1982), <i>Hướng dẫn Hát tập thể</i> , Nxb Văn hóa Thông tin; Tài liệu tham khảo: 1. Các tác phẩm âm nhạc kinh điển của các nhạc sĩ như: Haydn, Mozart, Beethoven, Schumann... Các tác phẩm nhạc đàn, nhạc hát nổi tiếng của các nhạc sĩ Việt Nam. 2. Đĩa VCD, DVD, CD. Các tác phẩm chuyển soạn, phối âm cho dàn nhạc, phối âm cho giọng hát. Các bài báo phê bình về các trào lưu, phong cách biểu diễn nghệ thuật nói chung và âm nhạc nói riêng...
51		Lịch sử và phương pháp sư phạm thanh nhạc	2	Tài liệu chính: 1. Hồ Mộ La (2005) <i>Lịch sử nghệ thuật thanh nhạc phương Tây</i> , NXB từ điển Bách khoa. 2. PGS.TSKH. Phạm Lê Hòa (2/1/2006) <i>Các nhạc sĩ nổi tiếng thế giới</i> , Cục xuất bản
52		Kỹ thuật diễn viên	2	Tài liệu chính: GS.NSND Nguyễn Trung Kiên (2001), <i>Phương pháp Sư phạm Thanh nhạc chương trình Đại học</i> , Bộ Văn hóa thông tin, Nhạc viện Hà Nội – Viện Âm

TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo (Tài liệu bắt buộc – Tài liệu tham khảo thêm)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
53		Phát âm Tiếng Ý	3	Tài liệu chính: Nguyễn Bách (4/2002), <i>Tiếng Ý dùng cho âm nhạc</i> , Nhà xuất bản trẻ, thành phố Hồ Chí Minh
54		Phương pháp sư phạm thanh nhạc	2	Tài liệu học tập: 1. Nguyễn Trung Kiên (2001), <i>Phương pháp sư phạm thanh nhạc</i>, Viện Âm nhạc; 2. Hồ Mộ La (2008), <i>Phương pháp dạy thanh nhạc</i>, Nxb từ điển bách khoa; 3. Nhiều tác giả, <i>Những vấn đề của sư phạm thanh nhạc</i>, Nhạc viện quốc gia Kiev; 4. Victor Emelianov, <i>Phát triển giọng hát</i>; 5. Nhiều tác giả (1962) <i>Những vấn đề thanh nhạc</i>, Nxb Âm nhạc Matxcova.

TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo (Tài liệu bắt buộc – Tài liệu tham khảo thêm)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
IV.2. Các môn học tự chọn			5/13	
55		Đệm đàn 1	2	Tài liệu học tập: 1. Phạm Ngũ, <i>Tự học ghi ta</i>, Nxb Âm nhạc; 2. Tạ Tấn, <i>Dân ca</i>, Nxb Âm nhạc; 3. Carulli, <i>Phương pháp tự học ghi ta</i>; 4. Phạm Hồng Phương, <i>Học Đệm ghi ta qua ca khúc</i>, Nxb Văn hoá thông tin; 5. <i>Band in a box 8</i>; 6. <i>Guitar pro 6</i>; 7. <i>Tuyển tập ca khúc Việt Nam</i>, Nxb Âm nhạc; 8. <i>Tuyển tập ca khúc nước ngoài</i>, Nxb Âm nhạc; 9. Danh sách 10.000 sheet Guitar; 10. The new real book.
56		Đệm đàn 2	3	Tài liệu học tập: 1. Phạm Ngũ, <i>Tự học ghi ta</i>, Nxb Âm nhạc; 2. Tạ Tấn, <i>Dân ca</i>, Nxb Âm nhạc; 3. Carulli, <i>Phương pháp tự học ghi ta</i>; 4. Phạm Hồng Phương, <i>Học Đệm ghi ta qua ca khúc</i>, Nxb Văn hoá thông tin; 5. <i>Band in a box 8</i>; 6. <i>Guitar pro 6</i>; 7. <i>Tuyển tập ca khúc Việt Nam</i>, Nxb Âm nhạc; 8. <i>Tuyển tập ca khúc nước ngoài</i>, Nxb Âm nhạc; 9. Danh sách 10.000 sheet Guitar; 10. The new real book.

TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo (Tài liệu bắt buộc – Tài liệu tham khảo thêm)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
57		Dàn dựng tổng hợp	3	Tài liệu bắt buộc: - Đức Bằng (1980), <i>Ca hát và biểu diễn</i>, Nxb Văn hóa Thông tin; - Đào Ngọc Dung, <i>Những bài hát tập thể - đồng ca – hợp xướng</i>, Trường Cao đẳng Sư phạm Nhạc – Họa TW; - Vũ Tự Lân, Lê Thế Hào (1998), <i>Phương pháp hát và chỉ huy dàn dựng hát tập thể</i>, Nxb Giáo dục; - Đỗ Mạnh Thường, Nguyễn Minh Cầm (1982), <i>Hướng dẫn Hát tập thể</i>, Nxb Văn hóa Thông tin; Tài liệu tham khảo: - Các tác phẩm âm nhạc kinh điển của các nhạc sĩ như: Haydn, Mozart, Beethoven, Schumann... Các tác phẩm nhạc đàn, nhạc hát nổi tiếng của các nhạc sĩ Việt Nam. - Đĩa VCD, DVD, CD. Các tác phẩm chuyển soạn, phối âm cho dàn nhạc, phối âm cho giọng hát. Các bài báo phê bình về các trào lưu, phong cách biểu diễn nghệ thuật nói chung và âm nhạc nói riêng...
58		Chỉ huy	2	Tài liệu bắt buộc: - Nguyễn Minh Cầm, <i>Chỉ huy Hợp xướng</i>. - Lê Thế Hào – Nguyễn Thiết (1995), <i>Chỉ huy – Dàn dựng các tác phẩm âm nhạc</i>, Trường Cao đẳng Sư phạm Nhạc - Họa Trung ương; - Lê Vinh Hưng - Lê Dũng (2001), <i>Kỹ thuật chỉ huy các tác phẩm âm nhạc</i>, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường; - Vũ Tự Lân - Lê Thế Hào, <i>Phương pháp hát và chỉ huy dàn dựng hát tập thể</i>, Nxb Giáo dục, 1998.

TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo (Tài liệu bắt buộc – Tài liệu tham khảo thêm)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
				Tài liệu tham khảo: 1. Các tác phẩm âm nhạc kinh điển của các nhạc sĩ như: Haydn, Mozart, Beethoven, Schumann... Các tác phẩm nhạc đàn, nhạc hát nổi tiếng của các nhạc sĩ Việt Nam. 2. Đĩa VCD, DVD, CD. Các tác phẩm chuyên soạn, phối âm cho dàn nhạc, phối âm cho giọng hát. Các bài báo phê bình về các trào lưu, phong cách biểu diễn nghệ thuật nói chung và âm nhạc nói riêng...
59		Các chuyên đề khác	3	
V. Khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp (M5)			27	
V.1. Khối kiến thức thực tập				
Thực tập nghề nghiệp 1			6	Tài liệu chính: 1. Nguyễn Trung Kiên (2004), <i>Nghệ thuật opera</i> , Viện Âm nhạc, Hà Nội. 2. Nguyễn Trung Kiên (2001), <i>Phương pháp sư phạm thanh nhạc</i> , Viện Âm nhạc Trung Kiên (2011), <i>Lược sử opera</i> , Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội. 3. Hồ Mộ La (2008), <i>Phương pháp dạy thanh nhạc</i> , Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội. Tài liệu tham khảo 1. Nguyễn Trung Kiên (2002), <i>Giáo trình thanh nhạc hệ trung học 4 năm</i> , Nhạc viện Hà Nội.

TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo (Tài liệu bắt buộc – Tài liệu tham khảo thêm)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
				2. Hồ Mộ La (2005), <i>Lịch sử nghệ thuật Thanh nhạc phương Tây</i>, Nxb Từ điển Bách Khoa, Hà Nội. 3. Trần Ngọc Lan (2011), <i>Phương pháp hát tốt tiếng Việt trong nghệ thuật ca hát</i>, Nxb Giáo dục Việt Nam. 4. Trần Mai Tuyết (2013), Giuseppe Verdi ông lớn của âm nhạc thế giới, Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật.
Thực tập nghề nghiệp 2			6	Tài liệu chính: 1. Nguyễn Trung Kiên (2004), <i>Nghệ thuật opera</i>, Viện Âm nhạc, Hà Nội. 2. Nguyễn Trung Kiên (2001), <i>Phương pháp sư phạm thanh nhạc</i>, Viện Âm nhạc Trung Kiên (2011), <i>Lược sử opera</i>, Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội. 3. Hồ Mộ La (2008), <i>Phương pháp dạy thanh nhạc</i>, Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội. Tài liệu tham khảo 1. Nguyễn Trung Kiên (2002), <i>Giáo trình thanh nhạc hệ trung học 4 năm</i>, Nhạc viện Hà Nội. 2. Hồ Mộ La (2005), <i>Lịch sử nghệ thuật Thanh nhạc phương Tây</i>, Nxb Từ điển Bách Khoa, Hà Nội. 3. Trần Ngọc Lan (2011), <i>Phương pháp hát tốt tiếng Việt trong nghệ thuật ca hát</i>, Nxb Giáo dục Việt Nam. 4. Trần Mai Tuyết (2013), Giuseppe Verdi ông lớn của âm nhạc thế giới, Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật.

TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo <i>(Tài liệu bắt buộc – Tài liệu tham khảo thêm)</i>
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
<i>V.2. Khối kiến thức tốt nghiệp</i>				
60		Chương trình biểu diễn NT tốt nghiệp	15	

4. Đội ngũ giảng viên

TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Cán bộ giảng dạy			
				Họ và tên GV	Chức danh khoa học, học vị	Chuyên ngành đào tạo	Đơn vị công tác
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
I. Khối kiến thức chung			21				
1		Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lê nin 1	2	1. Phạm Ngọc Anh 2. Nguyễn Thị Huyền 3. Đinh Văn Hoàng 4. Đỗ Việt Hùng	ThS ThS ThS ThS	CNXHKH KT-CT MLN Triết học MLN KT-CT MLN	ĐHSPNTTW
2		Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lê nin 2	3	1. Phạm Ngọc Anh 2. Nguyễn Thị Huyền 3. Đinh Văn Hoàng 4. Đỗ Việt Hùng	ThS ThS ThS ThS	CNXHKH KT-CT MLN Triết học MLN KT-CT MLN	ĐHSPNTTW
3		Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1. Bạch Thị Lan Anh 2. Phạm Ngọc Anh 3. Mai Thanh Hồng	TS ThS ThS	KT-CT CNXHKH Lịch sử	ĐHSPNTTW
4		Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	1. Bạch Thị Lan Anh 2. Phạm Ngọc Anh 3. Mai Thanh Hồng	TS ThS ThS	KT-CT CNXHKH Lịch sử	ĐHSPNTTW
5		Tin học cơ bản	2	1. Lê Mạnh Hùng 2. Lương Minh Tân 3. Vũ Hoàng Việt 4. Nguyễn Vũ Hà 5. Bùi Ngọc Hưng 6. Trần Danh Toàn	ThS Ths CN CN CN CN	CN TT Sáng tác CN TT CN TT CN TT CN TT	ĐHSPNTTW

6		Tiếng Anh A1	4	1. Nguyễn Thị Lan 2. Nguyễn Thanh Dung 3. Lê Thị Hiền 4. Trịnh Thị Hà	ThS-GVC ThS ThS	QLGD LL&PPDHTA NN Anh NN Anh	ĐHSPNTTW
7		Tiếng Anh A2	3	5. Nguyễn Thị Lan 6. Nguyễn Thanh Dung 7. Lê Thị Hiền 8. Trịnh Thị Hà	ThS-GVC ThS ThS	QLGD LL&PPDHTA NN Anh NN Anh	ĐHSPNTTW
8		Tiếng Anh chuyên ngành	2	1. Nguyễn Thị Lan 2. Nguyễn Thanh Dung 3. Phạm Thị Ngọc Bích 4. Trịnh Thị Hà 5. Nguyễn Thị Ân	ThS ThS ThS ThS ThS	TA&QLGD LL&PPDHTA LL&PPDHTA Tiếng Anh TA&QLGD	ĐHSPNTTW
9		Giáo dục thể chất 1	2	1. Phạm Minh Tuấn 2. Lê Việt Hùng 3. Bùi Thị Huyền 4. Nguyễn Minh Trâm	CN CN CN CN	GDTC GDTC GDTC GDTC	ĐHSPNTTW
10		Giáo dục thể chất 2	3	5. Phạm Minh Tuấn 6. Lê Việt Hùng 7. Bùi Thị Huyền 8. Nguyễn Minh Trâm	CN CN CN CN	GDTC GDTC GDTC GDTC	ĐHSPNTTW
11		Giáo dục quốc phòng		Trung tâm GDQP			
II. Khối kiến thức cơ bản chung của nhóm ngành (M2)			13				
II.1. Các môn học bắt buộc(M2)			9				
12		Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	1. Nguyễn Thị Tố Mai 2. Ngô Thị Hòa Bình	TS ThS	Lý luận AN Văn học	ĐHSPNTTW
13		Mỹ học	2	1. Đào Thúy Anh 2. Nguyễn Thị Minh Nguyệt	ThS ThS	Lý luận MT Văn hóa	ĐHSPNTTW

14		Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	1. Trương Thị Cẩm Vân 2. Nguyễn T.Thanh Mai 3. Dương Thu Hà	ThS ThS ThS	Văn hóa Văn hóa Văn hóa	ĐHSPNTTW
15		Đường lối văn hóa văn nghệ của Đảng Cộng sản Việt Nam	2	1. Phạm Lê Hòa 2. Trịnh Hoài Thu 3. Phạm Trọng Toàn 4. Nguyễn Hữu Thức	PGS.TSKH TS PGS.TS PGS.TS		ĐHSPNTTW
II.2	Môn học tự chọn (4/8 tín chỉ)		4/8				
16		Nghệ thuật học đại cương	2	1. Đào Thúy Anh 2. Nguyễn Thị Hồng Thu	ThS Ths	Lý luận MT QLGD	ĐHSPNTTW
17		QL hành chính nhà nước và QL ngành Giáo dục và Đào tạo	2	1. Lương Thanh Hải 2. Nguyễn Thị Duyên	ThS ThS	TLH TLH	ĐHSPNTTW
18		Tâm lý học nghệ thuật	2	1. Dương Hải Hưng	TS	TLH	ĐHSP HN
19		Tiếng Việt thực hành	2	1. Lê Thị Mỹ Hạnh 2. Hà Thu Hà 3. Hoàng Bích Hậu	ThS ThS ThS	Văn học Văn học Văn học	ĐHSPNTTW
III	Khối kiến thức cơ sở ngành (M3)		41				
III.1	Các môn học bắt buộc		33				
20		Lịch sử Âm nhạc thế giới 1	2	1. Nguyễn Thị Tổ Mai 2. Trịnh Hoài Thu 3. Lương Minh Tân 4. Nghiêm Hồng Hà	TS TS ThS ThS	Lý luận ÂN Lý luận ÂN Sáng tác	ĐHSPNTTW
21		Lịch sử Âm nhạc thế giới 2	2	1. Nguyễn Thị Tổ Mai 2. Trịnh Hoài Thu 3. Lương Minh Tân 4. Nghiêm Hồng Hà	TS TS ThS ThS	Lý luận ÂN Lý luận ÂN Sáng tác Lý luận ÂN	ĐHSPNTTW

22		Lịch sử Âm nhạc thế giới 3	3	1. Nguyễn Thị Tố Mai 2. Trịnh Hoài Thu 3. Lương Minh Tân 4. Nghiêm Hồng Hà	TS TS ThS ThS	Lý luận AN Lý luận AN Sáng tác Lý luận AN	ĐHSPNTTW
23		Âm nhạc mới Việt Nam	2	1. Trịnh Hoài Thu 2. Nguyễn Thị Tố Mai 3. Trần Thị Thanh Hương 4. Trần Thị Thu Trang	TS TS ThS ThS	VHH/LL AN Lý luận AN Lý luận AN Lý luận AN	ĐHSPNTTW
24		Âm nhạc cổ truyền Việt Nam	3	1. Hà Thị Hoa 2. Nguyễn Thị Phương Mai	TS ThS	Văn hóa học Lý luận AN	ĐHSPNTTW
25		Lý thuyết âm nhạc 1	3	1. Trịnh Hoài Thu 2. Nguyễn Thị Tố Mai 3. Mai Linh Chi 4. Vũ Kim Thu 5. Nguyễn Phương Mai	TS TS ThS ThS ThS	Lý luận AN Lý luận AN Lý luận AN Lý luận AN Lý luận AN	ĐHSPNTTW
26		Múa	3	1. Nguyễn Thúy Hương 2. Ng. Thị Quỳnh Phương	ThS/CN CN	VHH/Múa BD múa/SPAN	ĐHSPNTTW
27		Phân tích tác phẩm âm nhạc 1	2	1. Phạm Lê Hòa 2. Trịnh Hoài Thu 3. Nguyễn Thị Tố Mai 4. Lương Minh Tân	PGS.TSKH TS/Ths TS ThS	Lý luận AN VHH/LL AN Lý luận AN Sáng tác	ĐHSPNTTW
28		Phân tích tác phẩm âm nhạc 2	2	1. Phạm Lê Hòa 2. Trịnh Hoài Thu 3. Nguyễn Thị Tố Mai 4. Lương Minh Tân	PGS.TSKH TS/Ths TS ThS	Lý luận AN VHH/LL AN Lý luận AN Sáng tác	ĐHSPNTTW
29		Phân tích tác phẩm âm nhạc 3	2	1. Phạm Lê Hòa 2. Trịnh Hoài Thu 3. Nguyễn Thị Tố Mai 4. Lương Minh Tân	PGS.TSKH TS/Ths TS ThS	Lý luận AN VHH/LL AN Lý luận AN Sáng tác	ĐHSPNTTW

30		Hòa thanh	2	1. Trịnh Hoài Thu 2. Lương Minh Tân	TS/ThS ThS	VHH/LLAN Sáng tác	ĐHSPNTTW
31		Ký xướng âm 1	2	1. Trịnh Hoài Thu 2. Mai Linh Chi 3. Vũ Kim Thu 4. Nguyễn Phương Mai 5. Khuất Duy Nhã 6. Trần Thanh Hương 7. Trần Thị Thu Trang	TS/ThS ThS ThS ThS ThS ThS ThS	VHH/LL AN Lý luận AN Lý luận AN Lý luận AN Sáng tác Lý luận AN Lý luận AN	ĐHSPNTTW
32		Ký xướng âm 2	2	1. Trịnh Hoài Thu 2. Mai Linh Chi 3. Vũ Kim Thu 4. Nguyễn Phương Mai 5. Khuất Duy Nhã 6. Trần Thanh Hương 7. Trần Thị Thu Trang	TS/ThS ThS ThS ThS ThS ThS ThS	VHH/LL AN Lý luận AN Lý luận AN Lý luận AN Sáng tác Lý luận AN Lý luận AN	ĐHSPNTTW
33		Ký xướng âm 3	2	1. Trịnh Hoài Thu 2. Mai Linh Chi 3. Vũ Kim Thu 4. Nguyễn Phương Mai 5. Khuất Duy Nhã 6. Trần Thanh Hương 7. Trần Thị Thu Trang	TS/ThS ThS ThS ThS ThS ThS ThS	VHH/LL AN Lý luận AN Lý luận AN Lý luận AN Sáng tác Lý luận AN Lý luận AN	ĐHSPNTTW
34		Ký xướng âm 4	2	1. Trịnh Hoài Thu 2. Mai Linh Chi 3. Vũ Kim Thu 4. Nguyễn Phương Mai 5. Khuất Duy Nhã 6. Trần Thanh Hương 7. Trần Thị Thu Trang	TS/ThS ThS ThS ThS ThS ThS ThS	VHH/LL AN Lý luận AN Lý luận AN Lý luận AN Sáng tác Lý luận AN Lý luận AN	ĐHSPNTTW

III.2	Các môn học tự chọn		8/16				
35		Nhập môn phức điệu	2	1. Mai Linh Chi 2. Lương Minh Tân	ThS ThS	Lý luận AN Sáng tác	ĐHSPNTTW
36		Sáng tác	2	1. Lương Minh Tân 2. Khuất Duy Nhã	ThS ThS	Sáng tác Sáng tác	ĐHSPNTTW
37		Giới thiệu nhạc cụ	2	1. Nguyễn Đức Linh 2. Nguyễn Khải 3. Lại Hồng Phong	CN CN CN	Lý luận AN Lý luận AN Sáng tác	ĐHSPNTTW
38		Dân ca	2	1. Phạm Trọng Toàn 2. Hà Thị Hoa 3. Đặng Thị Lan 4. Xuân Vinh 5. Nguyễn Quang Phác	PSG.TS TS CN NSUT CN	VHH VHH SPAN Nghệ nhân Thanh nhạc	ĐHSPNTTW NH cải lương
39		Hoạt động ngoài giờ lên lớp	2	1. Nguyễn Hải Phượng 2. Nguyễn Thị Minh Nguyệt	ThS ThS	VHH/LLAN VHH/SPAN	ĐHSPNTTW
40		Phối hợp xướng	2	1. Lương Minh Tân 2. Lê Vinh Hưng	ThS ThS	Sáng tác Chỉ huy	ĐHSPNTTW
41		Tâm lý học đại cương	2	1. Lê Thị Lệ Hương 2. Lương Thị Thanh Hải 3. Nguyễn Mai Hương 4. Nguyễn Thị Duyên 5. Lê Thị Hồng Nhung	ThS ThS ThS ThS ThS	TLH TLH TLH TLH TLH	Đại học SPNT Trung ương
42		Giáo dục học	4	1. Lương Thị Thanh Hải 2. Nguyễn Mai Hương 3. Nguyễn Thị Duyên 4. Lê Thị Hồng Nhung	ThS ThS ThS ThS	TLH TLH TLH TLH	Đại học SPNT Trung ương
43		Lý thuyết âm nhạc 2	2	6. Trịnh Hoài Thu 7. Nguyễn Thị Tổ Mai 8. Mai Linh Chi 9. Vũ Kim Thu 10. Nguyễn Phương Mai	TS TS ThS ThS ThS	Lý luận AN Lý luận AN Lý luận AN Lý luận AN Lý luận AN	ĐHSPNTTW

IV	Khối kiến thức chuyên ngành (M4)		30				
IV.1	Các môn học bắt buộc		25				
44		Thanh nhạc 1	2	1. Nguyễn Trung Kiên 2. Nguyễn Quang Thọ 3. Phan Thu Lan 4. Nguyễn Quốc Hưng 5. Nguyễn Thị Tân Nhàn 6. Vũ Diệu Linh 7. Trần Mai Tuyết 8. Nguyễn Tuấn Anh 9. Đặng Thị Loan 10. Trần Thị Thanh Quý 11. Đỗ Hương Giang 12. Trịnh Thị Oanh 13. Vũ Thanh Thủy 14. Nguyễn Thu Hằng 15. Trần Thị Thảo 16. Ngân Thị Thương 17. Giáp Văn Thịnh	GS ThS ThS TS ThS ThS ThS ThS ThS ThS ThS ThS ThS ThS ThS ThS	Thanh nhạc Thanh nhạc Thanh nhạc Thanh nhạc Thanh nhạc Thanh nhạc Thanh nhạc Thanh nhạc Thanh nhạc Thanh nhạc Thanh nhạc Thanh nhạc Thanh nhạc Thanh nhạc Thanh nhạc Thanh nhạc	HVANQGVN HVANQGVN HVANQGVNH VANQGVN HVANQGVN HVANQGVN HVANQGVN ĐHSPNT TW ĐHSPNT TW ĐHSPNT TW ĐHSPNT TW ĐHSPNT TW ĐHSPNT TW ĐHSPNT TW ĐHSPNT TW ĐHSPNT TW
45		Thanh nhạc 2	2	1. Nguyễn Trung Kiên 2. Nguyễn Quang Thọ 3. Phan Thu Lan 4. Nguyễn Quốc Hưng 5. Nguyễn Thị Tân Nhàn 6. Vũ Diệu Linh 7. Trần Mai Tuyết 8. Nguyễn Tuấn Anh 9. Đặng Thị Loan 10. Trần Thị Thanh Quý 11. Đỗ Hương Giang 12. Trịnh Thị Oanh 13. Vũ Thanh Thủy 14. Nguyễn Thu Hằng	GS ThS ThS TS ThS ThS ThS ThS ThS ThS ThS ThS ThS ThS ThS	Thanh nhạc Thanh nhạc Thanh nhạc Thanh nhạc Thanh nhạc Thanh nhạc Thanh nhạc Thanh nhạc Thanh nhạc Thanh nhạc Thanh nhạc Thanh nhạc Thanh nhạc Thanh nhạc Thanh nhạc	HVANQGVN HVANQGVN HVANQGVNH VANQGVN HVANQGVN HVANQGVN ĐHSPNT TW ĐHSPNT TW ĐHSPNT TW ĐHSPNT TW ĐHSPNT TW ĐHSPNT TW ĐHSPNT TW ĐHSPNT TW ĐHSPNT TW

				15. Trần Thị Thảo 16. Ngân Thị Thương 17. Giáp Văn Thịnh	ThS ThS ThS	Thanh nhạc Thanh nhạc Thanh nhạc	ĐHSPNT TW ĐHSPNT TW ĐHSPNT TW
46		Thanh nhạc 3	2	1. Nguyễn Trung Kiên 2. Nguyễn Quang Thọ 3. Phan Thu Lan 4. Nguyễn Quốc Hưng 5. Nguyễn Thị Tân Nhân 6. Vũ Diệu Linh 7. Trần Mai Tuyết 8. Nguyễn Tuấn Anh 9. Đặng Thị Loan 10. Trần Thị Thanh Quý 11. Đỗ Hương Giang 12. Trịnh Thị Oanh 13. Vũ Thanh Thủy 14. Nguyễn Thu Hằng 15. Trần Thị Thảo 16. Ngân Thị Thương 17. Giáp Văn Thịnh	GS ThS ThS TS ThS ThS ThS ThS ThS ThS ThS ThS ThS ThS ThS ThS	Thanh nhạc Thanh nhạc Thanh nhạc Thanh nhạc Thanh nhạc Thanh nhạc Thanh nhạc Thanh nhạc Thanh nhạc Thanh nhạc Thanh nhạc Thanh nhạc Thanh nhạc Thanh nhạc Thanh nhạc Thanh nhạc	HVANQGVN HVANQGVN HVANQGVNH VANQGVN HVANQGVN HVANQGVN ĐHSPNT TW ĐHSPNT TW ĐHSPNT TW ĐHSPNT TW ĐHSPNT TW ĐHSPNT TW ĐHSPNT TW ĐHSPNT TW ĐHSPNT TW ĐHSPNT TW
47		Thanh nhạc 4	2	1. Nguyễn Trung Kiên 2. Nguyễn Quang Thọ 3. Phan Thu Lan 4. Nguyễn Quốc Hưng 5. Nguyễn Thị Tân Nhân 6. Vũ Diệu Linh 7. Trần Mai Tuyết 8. Nguyễn Tuấn Anh 9. Đặng Thị Loan 10. Trần Thị Thanh Quý 11. Đỗ Hương Giang 12. Trịnh Thị Oanh 13. Vũ Thanh Thủy 14. Nguyễn Thu Hằng	GS ThS ThS TS ThS ThS ThS ThS ThS ThS ThS ThS ThS ThS	Thanh nhạc Thanh nhạc Thanh nhạc Thanh nhạc Thanh nhạc Thanh nhạc Thanh nhạc Thanh nhạc Thanh nhạc Thanh nhạc Thanh nhạc Thanh nhạc Thanh nhạc Thanh nhạc	HVANQGVN HVANQGVN HVANQGVNH VANQGVN HVANQGVN HVANQGVN ĐHSPNT TW ĐHSPNT TW ĐHSPNT TW ĐHSPNT TW ĐHSPNT TW ĐHSPNT TW ĐHSPNT TW ĐHSPNT TW

				15. Trần Thị Thảo 16. Ngân Thị Thương 17. Giáp Văn Thịnh	ThS ThS ThS	Thanh nhạc Thanh nhạc Thanh nhạc	ĐHSPNT TW ĐHSPNT TW ĐHSPNT TW
48		Piano 1	2	1. Nguyễn Minh Anh 2. Đào Trọng Tuyên 3. Nguyễn Huy Phương 4. Nguyễn Ngọc Bích 5. Nguyễn Thục Anh 6. Nguyễn Minh Trang 7. Đào Thu Lê 8. Đinh Công Hải 9. Lại Thị Phương Thảo	TS TS TS ThS ThS ThS ThS ThS ThS/CN	Piano Piano Piano Piano Piano Piano Piano Piano VHH/Piano	HVANQGVN HVANQGVN HVANQGVN HVANQGVN HVANQGVN HVANQGVN HVANQGVN ĐHSPNTTW ĐHSPNTTW
49		Piano 2	2	1. Nguyễn Minh Anh 2. Đào Trọng Tuyên 3. Nguyễn Huy Phương 4. Nguyễn Ngọc Bích 5. Nguyễn Thục Anh 6. Nguyễn Minh Trang 7. Đào Thu Lê 8. Đinh Công Hải 9. Lại Thị Phương Thảo	TS TS TS ThS ThS ThS ThS ThS ThS/CN	Piano Piano Piano Piano Piano Piano Piano Piano VHH/Piano	HVANQGVN HVANQGVN HVANQGVN HVANQGVN HVANQGVN HVANQGVN HVANQGVN ĐHSPNTTW ĐHSPNTTW
50		Hát hợp xướng	3	1. Lương Minh Tân 2. Lê Vinh Hưng	ThS ThS	Sáng tác Chỉ huy	ĐHSPNTTW
51		Lịch sử nghệ thuật thanh nhạc	2	1. Nguyễn Trung Kiên 2. Trần Ngọc Lan 3. Trần Mai Tuyết	GS TS ThS	Thanh nhạc Thanh nhạc Thanh nhạc	HVANQGVN ĐHSPNTTW
52		Kỹ thuật diễn viên	2	1. Nguyễn Quang Thọ 2. Trần Mai Tuyết 3. Đỗ Hương Giang 4. Đặng Thị Loan	ThS ThS ThS ThS	Thanh nhạc Thanh nhạc Thanh nhạc Thanh nhạc	HVANQGVN ĐHSPNTTW
53		Phát âm tiếng Ý, Đức, Nga và một số ngôn ngữ khác	4	1. Đinh Phương Hoa 2. Nguyễn Thanh Dung 3. Lê Thị Hiền	ThS ThS ThS	QLGD LL&PPDHTA NN Anh	ĐHSPNTTW

54		Phương pháp sư phạm thanh nhạc	2	1. Nguyễn Trung Kiên 2. Trần Ngọc Lan 3. Trần Mai Tuyết	GS TS ThS	Thanh nhạc Thanh nhạc Thanh nhạc	HV ANQGVN ĐHSPNTTW
IV.2	Các môn học tự chọn		5/13				
55		Đệm đàn 1	2	1. Đinh Công Hải 2. Trần Quốc Thùy 3. Lại Thị Phương Thảo 4. Nguyễn Ngọc Anh	ThS ThS ThS/CN ThS	Piano Arcodeon VHH/Piano LL&PP GDAN	ĐHSPNTTW
56		Đệm đàn 2	3	1. Đinh Công Hải 2. Trần Quốc Thùy 3. Lại Thị Phương Thảo 4. Nguyễn Ngọc Anh	ThS ThS ThS/CN ThS	Piano Arcodeon VHH/Piano LL&PP GDAN	ĐHSPNTTW
57		Dàn dựng tổng hợp	3	1. Lê Vinh Hưng 1. Đỗ Kiên Cường	ThS ThS	Chỉ huy Chỉ huy	ĐHSPNTTW
58		Chỉ huy	2	1. Lê Vinh Hưng 2. Nguyễn Hòa Bình 3. Đỗ Kiên Cường	ThS ThS ThS	Chỉ huy Chỉ huy Chỉ huy	ĐHSPNTTW
59		Các chuyên đề khác	3				
V		Khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp (M5)		Theo quy định của Trường ĐHSPNTTW. Thực tập tại các nhà hát, các Đoàn nghệ thuật.			

5. Tóm tắt nội dung môn học

I. Khối kiến thức chung (M1): 21 tín chỉ

1. Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác- Lê nin 1 (2 tín chỉ)

Môn học Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin bao gồm 10 chương; ngoài chương mở đầu được chia thành ba phần mỗi phần ba chương. Môn Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin được giảng dạy theo 2 phần: Nguyên lý 1 và Nguyên lý 2.

Nguyên lý 1 là toàn bộ nội dung của **Phần thứ nhất**: Thế giới quan và phương pháp luận Triết học của chủ nghĩa Mác – Lênin, gồm:

- Chương 1: Chủ nghĩa duy vật biện chứng
- Chương 2: Phép biện chứng duy vật
- Chương 3: Chủ nghĩa duy vật lịch sử

2. Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác- Lê nin 2 (3 tín chỉ)

Môn học Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin bao gồm 10 chương; ngoài chương mở đầu được chia thành ba phần mỗi phần ba chương. Môn Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin được giảng dạy theo 2 phần: Nguyên lý 1 và Nguyên lý 2

Nguyên lý 2 bao gồm các nội dung sau:

- **Phần thứ hai**: Học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác-Lênin về phương thức sản xuất TBCN

- + Vấn đề 4: Học thuyết giá trị
- + Vấn đề 5: Học thuyết giá trị thặng dư
- + Vấn đề 6: Học thuyết về chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước

- **Phần thứ ba**: Lí luận của chủ nghĩa Mác-Lênin về CNXH

- + Vấn đề 7: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và cách mạng XHCN
- + Vấn đề 8: Những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng XHCN
- + Vấn đề 9: CNXH hiện thực và triển vọng

3. Tư tưởng Hồ Chí Minh (2 tín chỉ)

Ngoài chương mở đầu, nội dung môn học gồm 7 chương: chương 1, trình bày về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương 2 đến

chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh: về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; về chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; về đại đoàn kết dân tộc, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; về Đảng Cộng sản Việt Nam; về xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân; về đạo đức, nhân văn, văn hoá. Giới thiệu cho sinh viên một số vấn đề về vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh trong sự nghiệp xây dựng nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh hiện nay.

4. Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (3 tín chỉ)

Ngoài chương mở đầu, nội dung môn học bao gồm 8 chương. Nội dung chủ yếu tập trung làm rõ quá trình ra đời tất yếu của Đảng Cộng sản Việt Nam (1930) và các chủ trương, đường lối chính sách của Đảng trong các cuộc đấu tranh chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ xâm lược qua các thời kỳ lịch sử. Trong đó, đặc biệt chú trọng làm rõ quá trình hình thành, phát triển và kết quả thực hiện đường lối cách mạng của Đảng trên tất cả các lĩnh vực: Kinh tế, chính trị, văn hoá- xã hội và quan hệ đối ngoại trước và trong thời kỳ đổi mới.

5. Tin học cơ bản (2 tín chỉ)

Trang bị cho sinh viên các khái niệm cơ bản về xử lý thông tin và máy tính điện tử. Đồng thời, cũng giúp sinh viên nắm vững các thao tác truy cập Internet, các kỹ năng sử dụng hệ điều hành để thao tác trên máy tính điện tử, khai thác một số phần mềm ứng dụng, soạn thảo và khai thác các văn bản phục vụ công tác văn phòng, sử dụng hệ quản trị cơ sở dữ liệu để tính toán khoa học và giải quyết các vấn đề chuyên môn.

6. Tiếng Anh A1 (4 tín chỉ)

Ngữ pháp:

Nắm vững hình thái và cách dùng của động từ : “TO BE”, “HAVE GOT”, “CAN” ở hiện đơn, quá khứ đơn, thì hiện tại đơn , quá khứ đơn,hiện tại tiếp diễn, hiện tại hoàn thành, tương lai ‘Going to’; “Will”, tính từ so sánh ở các cấp,

Ngữ âm, từ vựng:

- Phát âm chuẩn các từ tiếng Anh về các chủ đề khác nhau như: quê quán, quốc tịch, các đồ vật trong gia đình, các từ nói về nghề nghiệp, màu sắc, thời tiết...
- Sử dụng các từ để nghe, nói, đọc, viết theo chủ điểm...
- Phát âm chuẩn số đếm, số điện thoại.

Chủ điểm:

Các chủ điểm về bản thân, gia đình,nhà trường, nghề nghiệp, thể thao, giải trí, thời trang, âm nhạc, mỹ thuật, học tập và vui chơi , sở thích, thời gian rảnh rỗi.

7. Tiếng Anh A2

Kiến thức ngữ pháp

Nắm vững cấu tạo và cách sử dụng của động từ ‘to be’ ở thì hiện tại đơn và quá khứ đơn, cấu trúc ‘have to/has to’, động từ khuyết thiếu ‘can’ ở thì hiện tại đơn, quá khứ đơn, thì tương lai.. Nắm vững cấu tạo và cách sử dụng thì hiện tại đơn, cấu trúc ‘there is/there are’, thì quá khứ đơn với động từ thường, thì hiện tại tiếp diễn, quá khứ tiếp diễn, so sánh của tính từ, cấu trúc ‘going to’, ‘Will’, thì hiện tại hoàn thành, quá khứ hoàn thành, Câu điều kiện loại 1 ‘Will, first conditional ’’ và 2 ‘’ Would, second conditional ’’, câu bị động ‘The passive’.

Kiến thức từ vựng

Học thuộc cách phát âm, nghĩa của các từ vựng theo chủ điểm, có khả năng vận dụng chúng trong giao tiếp.

Kỹ năng nghe và nói

Có khả năng nghe hiểu và giao tiếp trong các tình huống gặp nhau làm quen, mua sắm, giao tiếp trên điện thoại, chỉ đường, mời người khác cùng tham gia vào một việc nào đó. Có khả năng nghe hiểu và giao tiếp trong các tình huống phỏng vấn, đăng ký đi du lịch với đại lý du lịch, mua sắm, tình trạng sức khỏe, lên kế hoạch cho một việc cụ thể,...

Kỹ năng đọc hiểu

Rèn luyện nâng cao khả năng đọc hiểu: đọc lướt (skimming) để tìm nội dung chính, đọc chi tiết (scanning) để tìm thông tin cụ thể.

Phát âm

Nắm vững bảng ký hiệu phiên âm quốc tế, trọng âm của từ, nguyên âm, phụ âm, phát âm đuôi ‘ed’, trọng âm của câu,

8. Tiếng Anh chuyên ngành (2 tín chỉ)

Nội dung của chương trình tiếng Anh chuyên ngành Âm nhạc gồm 6 chủ đề: 1: Music history: Lịch sử âm nhạc; 2: Role of music: Vai trò của âm nhạc; 3: Genres of music: Thể loại âm nhạc; 4: Musical instrument reclassified: Tái phân loại nhạc cụ; 5: Wolfgang Amadeus Mozart- Life, Works and music style: Cuộc đời, tác phẩm và phong cách âm nhạc của Wolfgang Amadeus Mozart; Sự phát triển của nhạc Jazz...

Tiếng Anh chuyên ngành Âm nhạc nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức về chuyên môn, xã hội trong và ngoài nước, kiến thức ngôn ngữ tiếng Anh như : Ngữ âm, từ vựng về các chủ đề lĩnh vực Âm nhạc như: Lịch sử âm nhạc; Vai trò của âm

nhạc; Thể loại âm nhạc; Tái phân loại nhạc cụ; Cuộc đời, tác phẩm và phong cách âm nhạc của Wolfgang Amadeus Mozart; Sự phát triển của nhạc Jazz. Sinh viên có thể sử dụng tiếng Anh chuyên ngành ở mức độ cơ bản nhất để phục vụ cho chuyên ngành của mình; Về kiến thức ngữ pháp: Sử dụng thành thạo cấu trúc: Passive voice (simple present, past simple, the future), Relative Pronouns, Relative Clauses, will, first conditional, would, second conditional; Kỹ năng nghe và nói: Có khả năng nghe hiểu và giao tiếp đơn giản các chủ đề về chuyên môn; Kỹ năng đọc hiểu: Rèn luyện nâng cao khả năng đọc hiểu: đọc lướt (skimming) để tìm nội dung chính, đọc chi tiết (scanning) để tìm thông tin cụ thể.; Phát âm: Nắm vững cách phát âm về các từ chuyên môn..

9. Giáo dục thể chất 1

2 tín chỉ

Trong học phần này, SV sẽ chọn học 1 trong 3 nội dung sau:

- Cầu Lông
- Khiêu vũ thể thao
- Võ thuật

10. Giáo dục thể chất 2

3 tín chỉ

SV sẽ học các kiến thức cơ bản của môn GDTC, bao gồm các nội dung:

- Bài thể dục Phát triển chung tay không 36 động tác
- Chạy cự ly ngắn (60-80m)
- Thể dục AEROBIC

11. Giáo dục quốc phòng

II. Khối kiến thức cơ bản chung của nhóm ngành (M2): 13 tín chỉ

II.1. Môn học bắt buộc (9 tín chỉ)

12. Phương pháp nghiên cứu khoa học (2 tín chỉ)

Nội dung của môn học đề cập đến khái niệm về nghiên cứu khoa học, đặc trưng của nghiên cứu khoa học trong nghệ thuật tạo hình, sản phẩm nghiên cứu khoa học, bố cục các phần của một nghiên cứu khoa học, yêu cầu, phương pháp thiết lập, tiến trình thực hiện các nội dung của một nghiên cứu khoa học, đánh giá công trình nghiên cứu khoa học.

13. Mỹ học (2 tín chỉ)

Nội dung môn học gồm:

- Những vấn đề trọng tâm của mỹ học: Các phạm trù cái đẹp, cái bi, cái hài; sơ lược lịch sử tư tưởng thẩm mỹ qua các thời kỳ; mối quan hệ giữa cái đẹp, cái bi, cái hài trong cuộc sống với nghệ thuật.
- Vai trò của khách thể thẩm mỹ, chủ thể thẩm mỹ và giáo dục thẩm mỹ.

14. Cơ sở văn hóa Việt nam (3 tín chỉ)

Nội dung môn học bao gồm: *Những lý luận cơ bản về văn hóa và văn hóa học*: Văn hóa và văn hóa học, Môi trường văn hóa, Tiếp xúc và giao lưu văn hóa, Những thành tố của văn hóa Việt Nam; *Diễn trình lịch sử của văn hóa Việt Nam*: Đông Nam Á tiền sử và cội nguồn của văn hóa Việt Nam, Văn hóa Việt Nam thời kỳ dựng nước, Văn hóa Việt Nam những năm sau công nguyên (từ 179 - 938), Văn hóa Đại Việt và văn hóa Việt Nam (văn hóa VN thời tự chủ từ 938 -1858), Văn hóa Việt Nam từ 1850 – 1945, Văn hóa Việt Nam từ 1945 đến nay; *Không gian văn hóa Việt Nam*: Khái niệm không gian thời gian văn hóa, vùng văn hóa và phân vùng văn hóa, Đặc trưng cơ bản các vùng văn hóa Việt Nam, Những biến đổi về văn hóa hiện nay ở các vùng văn hóa và công tác bảo tồn, khai thác các giá trị văn hóa trong phát triển kinh tế - xã hội.

15. Đường lối văn hóa văn nghệ của Đảng cộng sản Việt Nam (2 tín chỉ)

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đường lối, chủ trương, chính sách về văn hoá, văn nghệ của Đảng cộng sản Việt Nam như quá trình hình thành, phát triển và hoàn thiện những nội dung cơ bản trong đường lối văn hoá của Đảng, vai trò của Đảng cộng sản trong lãnh đạo văn hoá, những thành tựu lớn về xây dựng văn hoá, những khó khăn, tồn tại và phương hướng giải quyết. Các nội dung: Khái quát lịch sử đường lối văn hoá của Đảng cộng sản Việt Nam. Đường lối văn hoá của Đảng cộng sản Việt Nam trong giai đoạn cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và thời kỳ đầu của giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa (1930- 1985). Đường lối văn hoá của Đảng cộng sản Việt Nam trong thời kỳ đổi mới Thời kỳ công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước (1985 đến nay).

II.2. Các môn học tự chọn (4/8 tín chỉ)

16. Nghệ thuật học đại cương (2 tín chỉ)

Môn học có nội dung là những kiến thức cơ bản nhất về các vấn đề nguồn gốc của nghệ thuật, vai trò và chức năng của nghệ thuật, hình tượng nghệ thuật. Đặc trưng hình thức, ngôn ngữ của một số loại hình nghệ thuật tiêu biểu: Kiến trúc, Điêu khắc, Hội họa, Âm nhạc, Múa, Sân khấu, Điện Ảnh, Văn học.

17. Quản lý hành chính Nhà nước và Quản lý ngành Giáo dục Đào tạo (2 tín chỉ)

Môn học cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về quản lý hành chính nhà nước và quản lý hành chính nhà nước về giáo dục – đào tạo, giúp người học

Nâng cao năng lực và cải tiến công tác quản lý hành chính Nhà nước trong nhà trường và trong hoạt động giáo dục.

Môn học cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về nhà nước, cơ chế tổ chức và nội dung quản lý hành chính nhà nước về giáo dục, từ đó giúp người học ý thức được những chức trách, nhiệm vụ của mình trong quá trình xây dựng nền hành chính tối ưu góp phần nâng cao chất lượng và công bằng giáo dục.

Môn học chú trọng đến việc hình thành các kỹ năng nhận thức và vận dụng những kiến thức vào việc bồi dưỡng nhân cách người giáo viên; đồng thời góp phần hình thành các kỹ năng về quản lý học sinh, quản lý trường học... Các kỹ năng chủ yếu được hình thành thông qua các nội dung của môn học có sự lồng ghép của giảng viên.

18. Tâm lý học nghệ thuật (2 tín chỉ)

Cung cấp cho người học một số kiến thức cơ bản về Tâm lý học nghệ thuật: Tâm lý học nghệ thuật là gì; Đối tượng, nhiệm vụ, các phương pháp nghiên cứu tâm lý học nghệ thuật; bản chất và cơ chế hình thành tâm lý nói chung và của người nghệ sĩ nói riêng; hoạt động nhận thức và sáng tạo nghệ thuật; nhân cách của người nghệ sĩ; các yếu tố chi phối sự phát triển nhân cách của người nghệ sĩ.

19. Tiếng Việt thực hành (2 tín chỉ)

Tiếng Việt thực hành dành cho sinh viên hệ cao đẳng, đại học sư phạm các ban không chuyên và hệ đại học ngoài sư phạm là học phần cung cấp cho người học kiến thức lý thuyết sơ giản về tiếng Việt (chính âm, chính tả; Các đơn vị ngôn ngữ: Từ, câu, đoạn văn, văn bản); Làm cho sinh viên nhận thức rõ những yêu cầu chung của việc sử dụng tiếng Việt. Qua học phần này, người học được rèn luyện kỹ năng sử dụng tiếng Việt. Các kỹ năng mà người học được rèn luyện thông qua bộ môn này là: Kỹ năng nói(Chuẩn chính âm), kỹ năng viết (Chuẩn chính tả); Kỹ năng dùng từ, đặt câu; Kỹ năng viết đoạn văn và kỹ năng tạo lập các loại văn bản hành chính thông thường. Từ chỗ biết sử dụng tiếng Việt như thế nào là đạt yêu cầu đến chỗ biết phát hiện lỗi sai, phân tích lỗi và sửa lỗi sẽ dần hình thành trong người học ý thức sử dụng tiếng Việt chuẩn . Việc rèn luyện kỹ năng sử dụng tiếng Việt cũng góp phần làm cho người học thêm yêu ngôn ngữ của dân tộc, có ý thức rèn luyện việc sử dụng ngôn ngữ, lời nói phục vụ cho việc học tập, giao tiếp, công tác trong hiện tại và tương lai.

III. Khôĩ kiến thức cơ sở ngành (M3) 41 tín chỉ

III.1. Các môn học bắt buộc (33 tín chỉ)

20. Lịch sử âm nhạc thế giới 1 (2 tín chỉ)

Trang bị cho sinh viên kiến thức khái quát về lịch sử âm nhạc Phương Tây từ khởi đầu đến hết thời kỳ của Trường phái âm nhạc cổ điển Viên nửa sau thế kỷ XVIII, bao gồm:

- Âm nhạc thời kỳ nguyên thủy
- Âm nhạc thời kỳ cổ đại
- Âm nhạc thời kỳ trung cổ
- Âm nhạc thời kỳ Phục hưng
- Âm nhạc thời kỳ THẾ KỶ XVII-XVIII với các trung tâm: Ý, Pháp, Đức...
- Âm nhạc thời kỳ cổ điển Viên.

21. Lịch sử âm nhạc thế giới 2 (2 tín chỉ)

Trang bị những kiến thức khái quát về lịch sử âm nhạc Phương Tây thời kỳ Lãng mạn thế kỷ XIX:

- Khái quát về chủ nghĩa lãng mạn trong âm nhạc
- Âm nhạc lãng mạn Áo - Đức
- Âm nhạc lãng mạn Pháp
- Âm nhạc lãng mạn Ý
- Sự phát triển của các nền âm nhạc Ba Lan, Nga, Tiệp, Hungary, Na Uy...

22. Lịch sử âm nhạc thế giới 3 (3 tín chỉ)

- Những kiến thức khái quát về lịch sử âm nhạc thế giới nửa đầu và nửa cuối thế kỷ XX với các trào lưu, phong cách chính, đặc điểm âm nhạc, một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu.

- Giới thiệu sơ lược về lịch sử âm nhạc Phương Đông với một số khu vực Đông Á, Đông Nam Á, Nam Á, Trung Á, Bắc Á và các nước đại diện tiêu biểu như Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản...

23. Âm nhạc mới Việt Nam (2 tín chỉ)

Sơ lược diễn trình lịch sử của các thể loại “Âm nhạc mới” Việt Nam (ca khúc, nhạc sân khấu, khí nhạc tiếp thu âm nhạc châu Âu...) từ đầu thế kỷ XX đến nay:

- Giai đoạn từ đầu thế kỷ XX đến trước Cách mạng Tháng Tám
- Giai đoạn 1945-1954
- Giai đoạn 1954-1975
- Từ 1975 đến nay

24. Âm nhạc cổ truyền Việt Nam (3 tín chỉ)

Môn học cung cấp các kiến thức về:

- Hệ nhạc khí cổ truyền.
- Các thể loại ca nhạc và khí nhạc cổ truyền.
- Các vùng dân ca Việt Nam.

25. Lý thuyết âm nhạc 1 (3 tín chỉ)

Trang bị các kiến thức cơ bản về:

- Cao độ, trường độ.
- Một số ký hiệu thông thường ghi trên bản nhạc
- Các loại nhịp đơn, nhịp kép.
- Các vấn đề về quãng.
- Khái niệm về hợp âm và cấu tạo của hợp âm ba, hợp âm bảy

26. Múa (3 tín chỉ)

Môn học cung cấp cho người học những vấn đề sau:

- Khái quát về nghệ thuật múa
- Thực hành một số động tác múa dân gian cơ bản của các dân tộc Việt Nam

như: Kinh, Tày, Thái, Mông ...

- Thực hành một số điệu nhảy quốc tế và múa tập thể phổ biến của Việt Nam
- Phương pháp biên đạo, dàn dựng các tiết mục múa

27. Phân tích tác phẩm 1 (2 tín chỉ)

Cung cấp, trang bị kiến thức và kỹ năng về phân tích tác phẩm âm nhạc:

- Nguyên tắc phân tích các phương tiện biểu hiện âm nhạc.
- Nguyên tắc xây dựng tác phẩm âm nhạc.
- Nguyên tắc cấu trúc trong tác phẩm âm nhạc .
- Các hình thức âm nhạc một đoạn đơn, hai đoạn đơn

28. Phân tích tác phẩm 2 (2 tín chỉ)

Trang bị kiến thức về:

- Hình thức ba đoạn đơn.
- Hình thức ba đoạn phức.
- Hình thức rondo.
- Hình thức biến tấu.
- Giới thiệu hình thức sonate.

29. Phân tích tác phẩm 3 (2 tín chỉ)

- Phương pháp viết tiểu luận phân tích nhiều tác phẩm cùng một chủ đề, cùng của một tác giả hoặc cùng thể loại.
- Giới thiệu trường ca, tổ khúc.
- Giới thiệu các thể loại giao hưởng, sonate, concerto, opera, orato, ballet.

30. Hòa thanh (2 tín chỉ)

Môn học cung cấp các nguyên tắc về sắp xếp bè, nối tiếp của các hợp âm ba chính và hợp âm 7 át theo phong cách hòa thanh cổ điển châu Âu:

- Các hợp âm ba chính gốc
- Thể đảo của các hợp âm ba
- Hợp âm bảy át
- Một số dạng kết

31. Ký xướng âm 1 (2 tín chỉ)

Môn học trang bị những phương pháp của bộ môn Ký xướng âm, học phần này đạt được những kiến thức sau:

- Xướng âm giọng Đô trưởng và La thứ (C-dur và a-moll) ở các loại nhịp $\frac{2}{4}$; $\frac{3}{4}$; $\frac{4}{4}$; $\frac{2}{2}$; $\frac{3}{8}$; $\frac{6}{8}$; $\frac{9}{8}$ với các dạng trường độ, tiết tấu cơ bản.
- Ghi âm các cao độ, trường độ, tiết tấu đơn giản ở giọng C-dur và a-moll.

32. Ký xướng âm 2 (2 tín chỉ)

Học phần Ký xướng âm 2 cần đạt được những kiến thức sau:

- Xướng âm ở các giọng có 1 dấu hoá: G-dur, e-moll; F- dur, d- moll) ở các loại nhịp $\frac{2}{4}$; $\frac{3}{4}$; $\frac{4}{4}$; $\frac{2}{2}$; $\frac{3}{8}$; $\frac{6}{8}$; $\frac{9}{8}$; nhịp hỗn hợp với các dạng trường độ, tiết tấu phối hợp.
- Ghi âm các bài có cao độ, trường độ, tiết tấu đơn giản ở các giọng trên.

33. Ký xướng âm 3 (2 tín chỉ)

Học phần Ký xướng âm 3 cần đạt được những kiến thức sau:

- Xướng âm các giọng D dur, Des dur; h moll, b moll; B dur, H dur; g moll, gis moll.
- Ghi âm các bài có cao độ, trường độ, tiết tấu đã học ở các giọng trên.

34. Ký xướng âm 4 (2 tín chỉ)

Học phần Ký xướng âm 4 cần đạt được những kiến thức sau:

- Xướng âm các giọng A- dur , As- dur ; fis moll, f- moll ; Es - dur, E-dur ; c- moll, cis moll, bước đầu có nội dung bán âm thêu và lướt.
- Ghi âm các bài tập có cao độ, trường độ, tiết tấu đã học ở các giọng trên.

III.2. Các môn học tự chọn (8/16 tín chỉ)

35. Nhập môn phức điệu (2 tín chỉ)

Cung cấp các khái niệm và kiến thức cơ bản về phức điệu; kỹ năng phân tích và viết đối vị đơn giản 2 bè, 3 bè; giới thiệu các hình thức đối vị phức tạp và các hình thức phức điệu.

36. Sáng tác (2 tín chỉ)

Môn học trang bị cho sinh viên có kiến thức sáng tác tác phẩm âm nhạc thông qua hoạt động thâm nhập thực tế ở các trường phổ thông, các hoạt động sáng tác trong thực tiễn từ các chương trình biểu diễn, ngoại khóa...

37. Giới thiệu nhạc cụ (2 tín chỉ)

Môn học giới thiệu các nội dung về:

- Các bộ trong dàn nhạc giao hưởng.
- Các loại dàn nhạc giao hưởng.
- Các nhạc cụ dân tộc tiêu biểu.
- Một số hình thức dàn nhạc dân gian.
- Một số nhạc cụ điện tử thông dụng.

38. Dân ca (2 tín chỉ)

Cung cấp cho sinh viên hiểu biết cơ bản về dân ca Việt Nam, biết thể hiện một số làn điệu dân ca tiêu biểu của các vùng-miền:

- Giới thiệu khái quát về kho tàng dân ca Việt Nam và các thể loại.
- Giới thiệu đặc trưng nghệ thuật và phong cách diễn xướng dân ca của các vùng – miền, dân ca của một số dân tộc.
- Dạy diễn xướng một số bài dân ca tiêu biểu của các vùng miền: Đồng bằng Bắc bộ, miền núi phía Bắc, Trung bộ, Nam bộ, Tây Nguyên.

39. Hoạt động ngoài giờ lên lớp (2 tín chỉ)

Môn học ngoài giờ lên lớp tạo điều kiện cho SV được thực hành nghề dạy học, hoạt động âm nhạc ở các cơ sở ngoài trường như các trường phổ thông, các cơ sở có hoạt động âm nhạc... nhằm trau dồi các kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm trong thực tiễn cuộc sống.

40. Phối hợp xướng (2 tín chỉ)

- Khái quát chung về phối hợp xướng.
- Tính năng giọng hát.
- Kỹ thuật phối các loại giọng hát
- Các thủ pháp phối hợp xướng

41. Tâm lý học đại cương (2 tín chỉ)

Tâm lý học cung cấp cho người học các khái niệm cơ bản của tâm lý học như: tâm lý, tâm lý học, hoạt động, giao tiếp, nhân cách; các phương pháp nghiên cứu cơ bản của tâm lý học như: quan sát, điều tra, trắc nghiệm, thực nghiệm, phỏng vấn...; quá trình hình thành và phát triển tâm lý người; các đặc điểm, qui luật và cơ chế tâm lý của các quá trình, trạng thái và thuộc tính tâm lý con người; phân tích và chứng minh vai trò của các yếu tố cơ bản trong sự hình thành và phát triển nhân cách; dự báo các xu hướng, tiềm năng và tiền đề phát triển của khoa học tâm lý trong thế kỉ XXI.

Đồng thời, học phần cũng chỉ ra bản chất của sự phát triển tâm lý trẻ em; chỉ ra đặc điểm tâm lý trẻ em theo các giai đoạn lứa tuổi; chỉ ra cơ sở tâm lý của hoạt động dạy học và giáo dục; chỉ ra bản chất, các giai đoạn của hoạt động giao tiếp sư phạm cũng như phong cách và các nguyên tắc giao tiếp sư phạm.

42. Giáo dục học (2 tín chỉ)

Giáo dục học cung cấp cho người học các kiến thức, các khái niệm cơ bản của giáo dục học như: Giáo dục, giáo dục học; Hệ thống khoa học giáo dục; xu thế, tiềm năng và tiền đề phát triển của khoa học tâm lý trong thế kỉ XXI; Các phương pháp nghiên cứu cơ bản của giáo dục học như: quan sát, điều tra, thực nghiệm, phỏng vấn...; Những vấn đề cơ bản của lý luận dạy học, lý luận giáo dục: cấu trúc, bản chất, nhiệm vụ, quy luật, động lực của quá trình dạy học và giáo dục. Nguyên tắc, nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học và giáo dục; Môi trường giáo dục; Quản lý giáo dục trong nhà trường; công tác của giáo viên chủ nhiệm trong nhà trường phổ thông.

43. Lý thuyết âm nhạc 2 (1 tín chỉ)

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về điệu thức:

- Điệu thức trưởng và điệu thức thứ
- Quãng trong điệu trưởng và điệu thứ.
- Hợp âm trong điệu trưởng và điệu thứ
- Điệu thức diatonic
- Điệu thức năm âm.
- Gam chromatic
- Cách xác định giọng, chuyển giọng, dịch giọng của bản nhạc.

IV. Khối kiến thức chuyên ngành (M4) 30 tín chỉ

IV.1. Môn học bắt buộc (25 tín chỉ)

44. Thanh nhạc 1 (2 tín chỉ)

- Giới thiệu và tìm hiểu cơ quan phát âm
- Hơi thở và tư thế trong ca hát
- Hướng dẫn cách lấy hơi và phương pháp rèn luyện hơi thở trong ca hát
- Luyện thanh với các mẫu âm có nguyên âm phù hợp ở quãng 3, 5 trên âm khu tự nhiên với kỹ thuật hát Legato, Nonlegato, Staccato...
- Ý nghĩa quan trọng của việc xác định, phân loại giọng hát
 - + Xác định phân loại giọng hát thông qua âm vực của giọng
 - + Xác định phân loại giọng hát thông qua vị trí các nốt chuyển giọng và âm sắc của giọng.
- Giới thiệu và hướng dẫn cho sinh viên hiểu được tầm quan trọng của việc xác định, phân loại giọng hát
- Hướng dẫn cho sinh viên tập hát chuyển giọng, thống nhất vị trí âm thanh, âm sắc với các kỹ thuật hát nảy tiếng, liền tiếng.

45. Thanh nhạc 2 (2 tín chỉ)

- Luyện tập các kỹ thuật thanh nhạc: Cách hát liền giọng (Cantilena), hát lướt nhanh (pasage), hát âm nảy (staccato), hát sắc thái to nhỏ.
- Âm khu các giọng nam: Âm thanh mở và âm thanh đóng
- Âm khu các giọng nữ: Giọng tự nhiên và giọng hỗn hợp.
- Mở rộng âm khu tự nhiên, luyện thanh các mẫu âm và luyện tập các kỹ thuật cơ bản của thanh nhạc, phát triển tính chất linh hoạt của giọng hát.
- Cách lựa chọn và tập bài hát
- Ngôn ngữ và sử lý ngôn ngữ trong tác phẩm thanh nhạc
- Tập chuyển giọng âm thanh hỗn hợp đối với các giọng nữ (đặc biệt là giọng cao), thống nhất âm sắc với các âm khác nhau ở âm khu ngực và âm khu giọng hỗn hợp.
- Luyện thanh các mẫu âm ở các quãng 3,5,6,8,10... kết hợp với kỹ thuật đã học\

46. Thanh nhạc 3 (1 tín chỉ)

- Phương pháp tập luyện để phát triển giọng hát
- Tập các bài luyện thanh để mở rộng âm vực đạt gần mức độ tối đa
- củng cố và hướng dẫn luyện tập để phát triển sự linh hoạt của giọng hát (đặc biệt với các giọng nữ cao)

- Các giọng nam phải thực hiện những tiêu chuẩn đúng, cần thiết của âm thanh, đóng tiếng ở âm khu cao của giọng hát.

- Củng cố và luyện tập các kỹ thuật đã học: tập nén hơi thở và điều tiết hơi trên thực tế các mẫu âm, bài luyện thanh và tác phẩm.

- Hướng dẫn cho sinh viên tập được các kỹ thuật hát với sắc thái to, nhỏ, đặc biệt là hát nhỏ dần (*diminuendo*).

- Lựa chọn và tập bài hát, nghiên cứu nội dung tác phẩm, rèn luyện khả năng sáng tạo, ứng dụng luyện tập tư thế cơ thể khi hát.

47. Thanh nhạc 4 (2 tín chỉ)

- Trường phái Thanh nhạc cổ điển: Ý, Pháp, Đức, Nga,...

- Áp dụng kỹ thuật Thanh nhạc Châu Âu vào giảng dạy thanh nhạc ở Việt Nam

- Hướng dẫn cho sinh viên hiểu và tập được các kỹ thuật hát với sắc thái to nhỏ, đặc biệt là hát nhỏ dần.

- Những bài tập phát triển kỹ thuật hát nhanh và phát triển hơi thở

- Những bài tập thống nhất vị trí âm thanh để hoàn thiện kỹ thuật

- Khẳng định sở trường, phong cách, của sinh viên. Thực hành luyện tập phong cách biểu diễn trên sân khấu.

- Lựa chọn bài thi tốt nghiệp

48. Piano1 (2 tín chỉ)

Trang bị cho sinh viên những kỹ thuật piano cơ bản, giúp cho người học có nhiều thuận lợi hơn trong học tập và giảng dạy chuyên ngành thanh nhạc.

- + Luyện tập các bài tập kỹ thuật (Etude)

- + Luyện tập đệm hát trên đàn piano.

49. Piano2 (2 tín chỉ)

- Nắm được các kỹ thuật cơ bản, hoàn thành một số tác phẩm trong chương trình.

- Tiếp tục luyện tập đệm hát cho ca khúc nước ngoài có phần đệm piano.

- Luyện tập và đặt được hòa thanh cho các ca khúc không có phần đệm piano.

50. Hát hợp xướng (3 tín chỉ)

Môn hát hợp xướng giới thiệu sơ lược lịch sử hợp xướng châu Âu và nghệ thuật hợp xướng ở Việt Nam; giới thiệu các hình thức hợp xướng; cách sắp xếp bè cho các loại hợp xướng. Trang bị cho người học những kỹ thuật cơ bản của hát hợp xướng hai bè, ba bè và bốn bè cho thiếu nhi, người lớn với phong cách cổ điển và đương đại. Ngoài ra, người học có thể còn biết phân tích tác phẩm hợp xướng và bố cục dàn dựng.

51. Lịch sử nghệ thuật thanh nhạc(2 tín chỉ)

- Trang bị cho sinh viên những lý luận cơ bản về lịch sử nghệ thuật thanh nhạc từ thời trung cổ đến thế kỷ XX.

- Trang bị cho sinh viên những lý luận cơ bản về phương pháp luận, phương pháp tiếp cận, nghiên cứu về lịch sử nghệ thuật thanh nhạc một cách tổng quát, hiểu biết về lịch sử hình thành, nội dung, hình thức và vai trò xã hội của lịch sử nghệ thuật thanh nhạc.

- Nắm vững được những kiến thức cơ bản và tổng quát về lịch sử nghệ thuật thanh nhạc qua các thời kỳ.

52. Kỹ thuật diễn viên (2 tín chỉ)

Môn học trang bị cho sinh viên các kiến thức:

- Phương pháp thể hiện
- Quy tắc thực hành biểu diễn trên sân khấu
- Kỹ thuật diễn xuất nội tâm và hình thể
- Giải phóng cơ thể khi hát

53. Phát âm tiếng Ý, Đức, Nga và một số ngôn ngữ khác (4 tín chỉ)

- Cung cấp cho sinh viên có trình độ đại học thanh nhạc những kiến thức chung về ngôn ngữ, về kỹ thuật phát âm và đặc điểm phát âm tiếng Đức, Ý, Nga,...

- Trang bị những kiến thức chung về ngôn ngữ, kỹ năng phát âm, đặc điểm phát âm tiếng Đức, Ý, Nga,....

- Hiểu được ý nghĩa, nội dung của bài hát. Phân biệt và so sánh cách phát âm các ngôn ngữ tiếng Việt, luyện tập cách phát âm các ngôn ngữ trên thông qua một số loại hình âm nhạc, đáp ứng về ngôn ngữ trong chương trình giảng dạy thanh nhạc.

54. Phương pháp sư phạm thanh nhạc(2 tín chỉ)

- Trang bị cho sinh viên nắm được cơ sở lý luận về phương pháp sư phạm thanh nhạc.

- Cấu tạo của cơ quan phát âm, xác định vị trí âm thanh, phân loại giọng hát, lựa chọn bài hát và giảng dạy theo giáo trình cho sinh viên.

- Hướng dẫn cho sinh viên luyện giọng, luyện thanh bằng những bài tập các mẫu âm theo hệ thống: Từ dễ tới khó, từ ngắn tới dài.

- Hướng dẫn cho sinh viên học các bài luyện thanh (vocalize) với những yêu cầu phát triển giọng và phát triển kỹ thuật hát một cách có hệ thống.

- Hướng dẫn cho sinh viên một cách có hệ thống chương trình các tác phẩm thanh nhạc gồm: Các ca khúc, romance, tổ khúc, aria, dân ca, các tác phẩm của các tác giả tiền cổ điển, cổ điển, đương đại của nhiều trường phái, phong cách khác nhau, phù hợp với đặc điểm, khả năng của từng sinh viên.

- Nhằm mục tiêu cuối cùng là hình thành phong cách của ca sĩ, đáp ứng với yêu cầu của các loại hình âm nhạc.

IV.2. Các môn học tự chọn (5/13 tín chỉ):

55. Đệm đàn 1 (2 tín chỉ)

Môn học trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng đệm hát cơ bản

- Biết được cách chọn tiết tấu phù hợp cho ca khúc .
- Biết được cách chọn hợp âm phù hợp cho ca khúc.
- Có khả năng tự soạn phần đệm hát cho ca khúc.

Môn học giúp sinh viên nâng cao khả năng sử dụng đàn để đệm ca khúc:

- Biết được cách soạn dạo đầu, dạo giữa và kết
- Có khả năng tự ngẫu hứng và phong phú phần đệm hát

56. Đệm đàn 2 (3 tín chỉ)

Môn học cung cấp và trau dồi cho SV kỹ năng đệm hát, soạn đệm từ đơn giản đến phức tạp. phù hợp với khả năng của từng sinh viên

- Giúp sinh viên biết cách soạn đệm đúng cơ bản, chọn tiết tấu, chọn hợp âm cho phù hợp với từng phong cách và tính chất của ca khúc. Biết cách soạn dạo đầu, dạo giữa và kết. Có khả năng ngẫu hứng theo vòng hoà âm cho trước để phù hợp với ca khúc. Biết ứng dụng và sử dụng các tính năng của guitar pro và band in a box) để hoàn thiện phần soạn đệm

- Hướng dẫn luyện tập và kiểm tra đánh giá phần thực hành đệm hát của sinh viên, đảm bảo sinh viên biết cách đệm hát các ca khúc phổ thông ở các thể loại và phong cách khác nhau.

57. Dàn dựng chương trình âm nhạc tổng hợp (3 tín chỉ)

Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về dàn dựng chương trình âm nhạc tổng hợp để có thể tổ chức dàn dựng các chương trình biểu diễn âm nhạc trong nhà trường phổ thông:

- Khái quát chung về dàn dựng chương trình âm nhạc tổng hợp
- Các hình thức trình diễn bài hát.
- Kỹ thuật dàn dựng chương trình biểu diễn âm nhạc.
- Kịch bản chương trình dàn dựng âm nhạc tổng hợp.
- Phương pháp sắp xếp

58. Chỉ huy (2 tín chỉ)

Môn học cung cấp những kiến thức:

- Sơ lược về lịch sử bộ môn Chỉ huy

- Kỹ thuật chỉ huy (vị trí và tư thế của người chỉ huy, chức năng hoạt động của hai tay, động tác cổ tay, ngón tay, cánh tay; sơ đồ các loại nhịp, lấy đà, cắt hết, xử lý sắc thái, xử lý tốc độ, tiết tấu phức tạp...).

59. Các chuyên đề khác (3)

V. Khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp (27 tín chỉ)

V.1 Khối kiến thức thực tập

Thực tập nghề nghiệp (12 tín chỉ)

V.2. Khối kiến thức tốt nghiệp

Chương trình biểu diễn NT tốt nghiệp (15 tín chỉ)

6. Hướng dẫn thực hiện Chương trình đào tạo

6.1. Về tiến trình đào tạo

Người quản lý đào tạo cần căn cứ Khung chương trình để sắp xếp lịch học toàn khóa và thời khóa biểu mỗi học kỳ, cho sinh viên đăng kí môn học, vì tại đó đã ghi rõ tên khối kiến thức, tên môn học, số tín chỉ, loại giờ tín chỉ, môn tiên quyết nhằm đảm bảo được tính logic về quá trình nhận thức, đảm bảo được khối lượng kiến thức, thời lượng học tập hợp lý cho mỗi học kỳ, theo quy định của Quy chế.

Chương trình đào tạo Đại học Thanh nhạc được tổ chức triển khai theo mô hình đào tạo kết hợp. Toàn bộ chương trình được triển khai thực hiện với sự phối hợp giữa trường ĐHSP Nghệ Thuật TW và các đơn vị tham gia đào tạo theo sự phân công của trường

* Dự kiến tiến trình đào tạo toàn khóa theo học kỳ:

Số TT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ	Tiến trình đào tạo theo học kỳ							
				1	2	3	4	5	6	7	8
I	M1	Khối kiến thức chung <i>(Không tính các môn học từ 10,11)</i>	23								
1		Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lê nin 1,2 Basic principles of Marxist- Leninist	5	x	x						
2		Tư tưởng Hồ Chí Minh Hochiminh thought	2			x					

Số TT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ	Tiến trình đào tạo theo học kỳ							
				1	2	3	4	5	6	7	8
3		Đường lối cách mạng Việt Nam Revolutionary line of Vietnam Communist Party	3				x				
4		Tin học cơ bản Basic Informatics	2			x					
5		Tiếng Anh A1, A2 A1 + A2 English	7	x	x						
6		Tiếng Anh chuyên ngành English for Specific purposes	2			x					
7		Giáo dục thể chất Physical education									
8		Giáo dục quốc phòng National defence education.									
II	M2	Khối kiến thức cơ bản chung của nhóm ngành (M2)	13								
		Các môn học bắt buộc	9								
9		Phương pháp nghiên cứu khoa học Scientific research methods	2					x			
10		Mỹ học Aesthetics	2							x	
11		Cơ sở văn hóa Việt Nam Vietnam Cultural Facilities	3			x					
12		Đường lối văn hóa văn nghệ của ĐCSVN Direction of cultural and art of Viet Nam	2					x			

Số TT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ	Tiến trình đào tạo theo học kỳ							
				1	2	3	4	5	6	7	8
		Các môn học tự chọn	4/8							x	
13		Nghệ thuật học đại cương General Arts	2								x
14		Quản lý hành chính nhà nước và Quản lý giáo dục đào tạo State Administrative management and Educational training management	2								
15		Tâm lý học nghệ thuật Psychology of Art	2						x		
16		Tiếng Việt thực hành Vietnamese Practice	2		x						
III	M3	Khối kiến thức cơ sở ngành	37							x	
		Các môn học bắt buộc	29								x
17		Lịch sử âm nhạc thế giới 1,2,3 History of the world music 1	7			x	x	x			
18		Âm nhạc mới Việt Nam Vietnam new music	2						x		
19		Âm nhạc dân tộc Cổ truyền Việt Nam Vietnam traditional music	3							x	
20		Lý thuyết âm nhạc 1,2 Music theory 1,2	2		x						
21		Múa Dancing	3	x	x						
22		Phân tích tác phẩm 1,2,3 Analysis of musical works 1,2,3	6				x	x	x		
23		Hòa thanh 1	2			x					

Số TT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ	Tiến trình đào tạo theo học kỳ							
				1	2	3	4	5	6	7	8
		Harmony 1									
24		Ký xướng âm 1,2,3,4 Tonic Sol-fa notation 1,2,3,4	2	x	x	x	x				
		Các môn học tự chọn	8/16			x					
25		Nhập môn phức điệu Polyphony	2						x		
26		Nhập môn sáng tác Composition	2							x	
27		Giới thiệu nhạc cụ Introduction to Musical instrument	2							x	
28		Dân ca Singing folk song	2		x						
29		Hoạt động ngoài giờ lên lớp Activities outside the classroom	2							x	
30		Phối hợp xướng Choir Arrangements	2						x		
31		Tâm lý học đại cương General Psychology	2					x			
32		Giáo dục học Pedagogics (educators)	2						x		
IV	M4	Khối kiến thức chuyên ngành	28								
		Các môn học bắt buộc	23								
33		Thanh nhạc 1,2,3,4 Vocal music 1,2,3,4	8	x	x	x	x				
34		Piano 1,2	4	x	x						
35		Hát hợp xướng Choral singing	3	x	x						
36		Lịch sử nghệ thuật thanh nhạc History of Vocal music Art	2				x				

Số TT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ	Tiến trình đào tạo theo học kỳ							
				1	2	3	4	5	6	7	8
37		Kỹ thuật diễn viên Techniques of performer	2				x				
38		Phát âm tiếng Ý, Đức, Nga và một số ngôn ngữ khác Pronunciation of Italian, German, Russian and some other foreign languages	4					x			
39		Phương pháp sư phạm thanh nhạc Vocal music teaching methods	2		x						
		Các môn học tự chọn	5/13								
40		Đệm đàn 1 Accompanying instrument 1	2					x			
41		Đệm đàn 2 Accompanying instrument 2	3						x		
42		Dàn dựng tổng hợp Synthetic staging	3							x	x
43		Chỉ huy (nguyên tắc cơ bản của chỉ huy) Fundamentals of conducting	2			x	x				
44		Các chuyên đề khác Other themes	3								
V	M5	Khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp (M5)	27								
		Khối kiến thức thực tập <i>Knowledge for practice</i>									
		Thực tập nghề nghiệp Career Practice	12						x	x	
		Khối kiến thức tốt nghiệp									

Số TT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ	Tiến trình đào tạo theo học kỳ							
				1	2	3	4	5	6	7	8
		Chương trình biểu diễn NT tốt nghiệp Knowledge for graduation Art performing programme for graduation	14								x
		Tổng cộng	126								

Căn cứ vào tình hình cụ thể, người quản lý đào tạo có thể điều chỉnh kế hoạch đào tạo từng học kỳ một cách hợp lý theo đúng Quy chế.

6.2. Về các môn học tiên quyết:

Trong khi tổ hợp kế hoạch đào tạo của ngành Đại học Thanh nhạc với kế hoạch chung của toàn trường, cần lưu ý các môn học tiên quyết (đã ghi trong khung chương trình) để việc đăng ký môn học của sinh viên cũng như tổ chức đào tạo được thuận lợi, đúng tiến độ.

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành thanh nhạc được thiết kế gồm các môn học bắt buộc và tự chọn. Căn cứ vào nguyện vọng của sinh viên và khả năng, điều kiện cụ thể của đơn vị, Chủ nhiệm Khoa sẽ định hướng sinh viên trong việc lựa chọn các môn học thuộc nhóm các môn học tự chọn. Việc định hướng này được thực hiện vào đầu năm học. Người quản lý đào tạo cần chú ý điều chỉnh số lượng sinh viên đăng ký lựa chọn mỗi môn học để tránh tổ chức những môn lựa chọn có quá ít người học.

6.4. Chỉ dẫn dành cho cán bộ quản lý đào tạo cố vấn học tập

Việc lựa chọn, bố trí các môn học cho từng học kỳ được thực hiện dựa trên các nguyên tắc:

- Tổng số tín chỉ trong một học kỳ không vượt quá mức quy định trong Quy chế đào tạo hiện hành.
- Đảm bảo yêu cầu về môn học tiên quyết như đã xác định trong Khung chương trình đào tạo.
- Phù hợp với điều kiện về đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất.
- Phù hợp với kế hoạch đào tạo chung của toàn trường.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình tích lũy tín chỉ của sinh viên.

7. Danh mục tài liệu tham khảo cho việc điều chỉnh chương trình đào tạo và xây dựng chuẩn đầu ra

1. Bộ tài liệu tập huấn xây dựng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ngày 12 tháng 1 năm 2012):

- “Chuẩn đầu ra” và một số ngộ nhận phổ biến ở Việt Nam
- Danh sách chuẩn đầu ra theo CDIO của Khoa Công nghệ thông tin
- Blackbox Exercise
- Slide giới thiệu tổng quan ma trận
- Câu hỏi khảo sát giảng viên về điều thông tin ITU
- Khảo sát các bên liên quan về chuẩn đầu ra của Khoa Công nghệ thông tin
- Một số kinh nghiệm xây dựng đề cương môn học theo CDIO
- Những điểm quan yếu của việc đánh giá (Trường ĐH Connecticut 2009)

2. Tài liệu bồi dưỡng Chương trình đào tạo theo hệ thống tín chỉ, TS. Trần Hữu Hoan, Đại học Giáo dục, ĐHQG Hà Nội, 2011.

3. Chuẩn nghề nghiệp giáo viên THPT, Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2009.

4. Chương trình đào tạo cử nhân Lịch sử- Trường Đại học KHXH và NV.

5. Chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử (hiện hành)- Trường Đại học giáo dục